

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Thông tư số 05/2015/TT-BTTTT ngày 23 tháng 3 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện

PHỤ LỤC 2

CÁC MẪU BẢN KHAI VÀ HƯỚNG DẪN KÊ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

(Kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BTTTT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

(Tiếp theo Công báo số 469 + 470)

Mẫu 1d

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN
(Đối với thiết bị phát thanh truyền hình)

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- CHÚ Ý:
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Cơ quan, tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP			
1.1. Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình hoặc Giấy phép thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
	Thời hạn sử dụng	từ ngày	đến ngày
1.2. Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình được phép phát sóng	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
	Thời hạn sử dụng	từ ngày	đến ngày
1.3. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	<input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý	

Mẫu 1d

1.4. Địa chỉ liên lạc			
1.5. Địa chỉ trụ sở chính			
1.6. Số FAX/số điện thoại		1.7. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/E-mail)	
2. TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ	<input type="checkbox"/> Cấp mới cho..... thiết bị (..... tờ Phụ lục 1) <input type="checkbox"/> Gia hạn cho..... giấy phép số..... (..... tờ Phụ lục 2) <input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi cho..... giấy phép (..... tờ Phụ lục 1) <input type="checkbox"/> Ngừng..... giấy phép số..... (..... tờ Phụ lục 3)		
3. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không		
4. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG			
5. TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT			
5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.			
5.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.			
5.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng-ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan.			
5.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định			

*Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên và đóng dấu)*

*Làm tại,....., ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên*

PHỤ LỤC 1
THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC
 Cấp mới Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....
Tờ số:...../tổng số tờ của Phụ lục 1:.....

1. LOẠI ĐÀI:	<input type="checkbox"/> Phát thanh <input type="checkbox"/> Truyền hình				
2. LOẠI MẠNG TRUYỀN HÌNH	<input type="checkbox"/> Đơn tần <input type="checkbox"/> Đa tần				
3. ĐỊA CHỈ ĐẶT THIẾT BỊ VTD					
4. THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	<input type="checkbox"/> 1 năm <input type="checkbox"/> 2 năm <input type="checkbox"/> 3 năm Khác:.....				
5. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG					
6. DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG TRÊN KÊNH TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP					
Tên kênh chương trình	Tốc độ bit (Mbit/s)	Độ phân giải hình ảnh	Tên kênh chương trình	Tốc độ bit (Mbit/s)	Độ phân giải hình ảnh
7. HỒ HIỆU (nhận dạng)					
8. ĐẶC ĐIỂM THIẾT BỊ:					
8.1. Tên thiết bị					
8.2. Số giấy chứng nhận hợp quy					
8.3. Công suất phát (W)		8.4. Hệ - tiêu chuẩn			
8.5. Băng tần thiết bị phát		8.6. Kênh phát đề nghị			
8.7. Giới hạn kênh (MHz)		8.8. Tần số sóng mang			
8.9. Phương thức phát					
8.10. Overlapping (MHz)		8.11. Offset (f dòng)	- Hình: - Tiếng:		
9. TỶ LỆ TỶ SỐ (dB)					

Mẫu 1d

10. ĂNG-TEN	Kiểu		Hướng tính	D <input type="checkbox"/>	ND <input type="checkbox"/>
Hệ số khuếch đại ăng ten (dBi)			Phân cực		
Độ cao ăng-ten (so với mặt đất) (m)			Độ cao địa hình (so với mực nước biển) (m)		
Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°)			Vị trí đặt ăng-ten	Kinh độ: 0'' E Vĩ độ: 0'' N	
11. VÙNG PHỦ SÓNG					
12. GIỜ HOẠT ĐỘNG					
13. GIẢN ĐỒ PHÁT XẠ ĂNG-TEN CÓ HƯỚNG					
14. ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT					
14.1. Khoảng bảo vệ (Guard interval)					
14.2. Số lượng sóng mang (Number of carrier)					
14.3. Chế độ thu (Reception mode)					
14.4. Kiểu điều chế					
14.5. Tỷ lệ mã					
14.6. Pilot pattern					
Phần khai bổ sung dành riêng cho các thiết bị phát thanh - truyền hình cần đăng ký quốc tế					
15. ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH BĂNG TẦN VHF/UHF					
15.1. Độ rộng băng tần cần thiết (Necessary bandwidth)					
16. ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH AM BĂNG TẦN MF					
16.1. Độ dẫn điện đất (Ground conductivity- mS/m)					
16.2. Hệ số bảo vệ kênh lân cận (Adjacent channel protection radio - dB)					
16.3. Tăng ích anten theo các hướng: 0, 10, 20, ..., 350 ⁰ (cung cấp đối với anten có hướng)					
17. ĐỐI VỚI THIẾT BỊ TRUYỀN HÌNH BĂNG TẦN VHF/UHF					
17.1. Tỷ số công suất hình/tiếng (Vision/Sound power ratio - dB)					
18. THÔNG TIN BỔ SUNG					

Mẫu 1d

HƯỚNG DẪN
KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ
VÀ THIẾT BỊ VTĐ (Mẫu 1d)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Để trống những mục không phải điền.

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông, 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 2: Lô 6 khu E - Khu đô thị mới An Phú An Khánh - Phường An Phú - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.37404179; Fax: 08.37404966

Khu vực 3: Lô C1 - Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An trung - Quận Sơn trà - TP. Đà Nẵng.

Điện thoại: 0511.3933545; Fax: 0511.3933707

Khu vực 4: 386 - Cách mạng Tháng Tám, TP.Cần Thơ

Điện thoại: 0710.3832760; Fax: 0710.3832760

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng - Phường Sò Dầu - Quận Hồng bàng - TP. Hải Phòng

Điện thoại: 031.3827857/Fax: 031.3827420

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An

Điện thoại: 038. 3833511; Fax: 038. 3849518

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 058.3892567; Fax: 058.3824410.

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/0210.3840507/0210.3840504
Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1d: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị VTĐ; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với thiết bị phát thanh truyền hình.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa tên hợp pháp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Áp dụng đối với tổ chức là cơ quan báo chí, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình:

- Đối với tổ chức là cơ quan báo chí: Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp, thời hạn sử dụng theo Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình đối với nội dung kênh chương trình phát sóng (không áp dụng đối với việc phát lại các chương trình phát thanh, truyền hình của Trung ương);

- Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình: Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp, thời hạn sử dụng theo Giấy phép thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất.

Điểm 1.2. Áp dụng đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình: Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp, thời hạn sử dụng theo Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình được phép phát sóng.

Mẫu 1d

- Điểm 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.
- Điểm 1.4. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.
- Điểm 1.5. Chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.
- Điểm 1.6. Ghi số fax/số điện thoại của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).
- Điểm 1.7. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 2. Tổng hợp thông tin đề nghị:

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng thiết bị đề nghị cấp giấy phép và số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho cấp mới vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp cấp mới.

- Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng giấy phép và tổng số tờ của Phụ lục 2 vào chỗ trống. Khai các thông số trong Phụ lục 2 dành cho gia hạn. Trường hợp đề nghị gia hạn số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho gia hạn, không cần khai trong Phụ lục 2.

- Đánh dấu "X" vào ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kỳ nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.

- Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" và ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi tổ chức, cá nhân đồng thời đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Đánh dấu "X" vào ô "Ngừng" khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép đề nghị ngừng sử dụng và tổng số tờ của Phụ lục 3 vào chỗ trống. Trường hợp đề nghị ngừng số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng và không cần khai Phụ lục 3.

Điểm 3. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu “X” vào ô “có” hoặc “không” nếu có/không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.

Điểm 4. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật, khai thác

- Đánh dấu “X” vào ô “cấp mới” hoặc ô “sửa đổi, bổ sung” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Phụ lục 1 nếu đề nghị cấp mới. Mỗi thiết bị khai vào một tờ khai. Ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ khai của Phụ lục.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Phụ lục 1 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo. Mỗi giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung khai vào một tờ khai. Ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ khai của Phụ lục.

Mẫu 1d

1. Loại đài:

- Đánh dấu "X" vào ô "Phát thanh" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài phát thanh.

- Đánh dấu "X" vào ô "Truyền hình" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài truyền hình.

2. Loại mạng truyền hình:

- Đánh dấu "X" vào ô "Đơn tần" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho mạng đơn tần.

- Đánh dấu "X" vào ô "Đa tần" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho mạng đa tần.

3. Địa chỉ đặt thiết bị phát sóng VTĐ: Kê khai tên trụ sở đặt thiết bị; địa chỉ thường trú tại nơi đặt thiết bị (số nhà, đường phố/thôn xóm, quận (huyện), tỉnh)

4. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/4/2016" (ghi theo ngày/tháng/năm).

5. Mục đích sử dụng: ghi rõ mục đích sử dụng đề nghị.

- Đối với truyền hình tương tự: Ghi rõ phát sóng, phát lại chương trình nào, (ví dụ: phát lại chương trình VTV1 của đài truyền hình Việt Nam; phát lại chương trình TN1 của đài phát thanh - truyền hình Thái Nguyên).

- Đối với truyền hình số: Ghi rõ gói kênh chương trình có chương trình thiết yếu của trung ương/địa phương hay không có, nêu tên chương trình thiết yếu (ví dụ: Gói kênh có chương trình thiết yếu VTV1, VTV3..)

- Đối với phát thanh: Ghi rõ phát sóng, phát lại chương trình nào (ví dụ: phát lại chương trình VOV1 của đài tiếng nói Việt Nam).

6. Danh mục kênh chương trình phát sóng trên kênh tần số đề nghị cấp phép: Kê khai từng kênh chương trình đề nghị phát sóng. Đối với mỗi kênh chương trình: ghi cụ thể tên kênh chương trình, tốc độ bit (tính theo Mbit/s), độ phân giải hình ảnh (ví dụ: SD hoặc HD).

7. Hồ hiệu: Khai hồ hiệu hoặc nhận dạng đề nghị sử dụng cho đài phát thanh, truyền hình.

8. Đặc điểm thiết bị:

8.1. Tên thiết bị: Kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị.

8.2. Số giấy chứng nhận hợp quy: Kê khai số giấy chứng nhận hợp quy của thiết bị.

8.3. Công suất phát (W): Kê khai công suất phát của thiết bị

8.4. Hệ - tiêu chuẩn: Kê khai hệ tiêu chuẩn và hệ phát màu của đài do thiết kế chế tạo, ví dụ: Hệ Pal D/K, Pal B/G, DVB-T...

8.5. Băng tần thiết bị phát: Là dải tần số hoặc các kênh tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

8.6. Kênh phát đề nghị: Kê khai kênh phát đề nghị được sử dụng và tần số sóng mang tương ứng

8.7. Giới hạn kênh (MHz): kê khai từ tần số giới hạn dưới đến tần số giới hạn trên của kênh ví dụ: 478-486MHz;

8.8. Tần số sóng mang: Kê khai tần số sóng mang tương ứng với kênh phát đề nghị

- Đối với truyền hình tương tự: Kê khai cả tần số sóng mang hình và tần số sóng mang tiếng. Ví dụ: 175,25 MHz/181,75 MHz.

- Đối với phát thanh: kê khai tần số sóng mang tiếng.

- Đối với truyền hình số: kê khai tần số trung tâm.

Mẫu 1d

8.9. Phương thức phát:

- Đối với truyền hình tương tự: Kê khai cả hình và tiếng. Ví dụ: 7M25C3F/750KF3E.
- Đối với phát thanh: chỉ kê khai tiếng. Ví dụ: 180KF3EGN.
- Đối với truyền hình số: kê khai chung cho cả hình và tiếng. Ví dụ: 8M00D2F

8.10. Overlapping (MHz): Kê khai rõ chồng lấn bao nhiêu MHz so với tần số kênh chuẩn, ví dụ Pal D/K, chồng lấn +1,25MHz, -3MHz.

8.11. Offset ($f_{\text{dòng}}$): Kê khai rõ dịch tần số (offset) hình, tiếng tỷ lệ bao nhiêu so với tần số dòng (ví dụ $1/12 f_{\text{dòng}}$, $6/12 f_{\text{dòng}}$...).

9. Tồn hao fider: Khai tổng tồn hao của fider (dB) và tồn hao của các connector.

10. Ăng-ten:

- Kiểu: Khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo Catalog (VD: Dipol, 759101195, Kathrein). Trong trường hợp không khai được đầy đủ như trên thì phải ghi rõ an ten thuộc loại nào (ví dụ: Dipol, dàn chân tứ đồng pha, lồng, chữ V, tháp, v.v...)

- Hướng tính: Khai ăng-ten có hướng (D) hay vô hướng (ND) bằng cách đánh dấu "X" vào ô cho trước.

- Hệ số khuếch đại ăng-ten (dBi): Ghi rõ hệ số khuếch đại của ăng-ten theo đơn vị dBi.

- Phân cực: Loại phân cực của ăng-ten (ví dụ: thẳng đứng, nằm ngang, phân cực tròn,...)

- Độ cao ăng-ten (so với mặt đất) (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).

- Độ cao địa hình (so với mực nước biển) (m): là độ cao của địa hình nơi đặt ăng-ten (so với mực nước biển).

- Góc phương vị của hướng bức xạ chính: là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ.

- Vị trí đặt ăng-ten: Ghi độ chính xác của kinh độ, vĩ độ đến giây (")

11. Vùng phủ sóng: tên các địa phương nằm trong vùng phủ sóng của đài phát thanh hoặc truyền hình đề nghị cấp phép

12. Giờ hoạt động: kê khai giờ hoạt động đề nghị, nếu hoạt động vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi "Hx"

13. Giảm đồ phát xạ ăng-ten có hướng: đề nghị tổ chức cung cấp giảm đồ phát xạ của ăng-ten.

14. Chỉ áp dụng đối với thiết bị phát thanh và truyền hình số mặt đất:

14.1. Khoảng bảo vệ (Guard interval): Đối với mạng đơn tần, khai khoảng bảo vệ là: 4 (khoảng bảo vệ là $1/4$), $8(1/8)$, $16(1/16)$, $32(1/32)$

14.2. Số lượng sóng mang (Number of carrier): Đối với mạng đơn tần, khai số lượng sóng mang là 2k hay 8k

14.3. Chế độ thu (Reception mode): Khai chế độ thu là: F đối với thu cố định, M đối với thu lưu động; A đối với thu trong nhà và B đối với thu ngoài trời.

14.4. Kiểu điều chế: Ghi kiểu điều chế của thiết bị (ví dụ: 256-QAM).

14.5. Tỷ lệ mã: Ghi tỷ lệ mã của thiết bị.

14.6. Pilot pattern: Ghi mẫu hình tín hiệu Pilot.

15, 16, 17: Chỉ áp dụng cho các thiết bị cần đăng ký quốc tế.

15.1. Độ rộng băng tần cần thiết: kê khai độ rộng băng tần tối thiểu để đảm bảo chất lượng thông tin.

16.1. Độ dẫn điện đất: kê khai độ dẫn điện đất theo đơn vị mS/m.

Mẫu 1d

16.2. Hệ số bảo vệ kênh lân cận: Ghi rõ hệ số bảo vệ kênh lân cận theo đơn vị dB.

16.3. Tăng ích anten theo các hướng 0, 10, 20,... 350⁰: áp dụng đối với anten có hướng.

17.1. Tỷ số công suất hình/tiếng (Vision/Sound power ratio - dB): là tỷ số giữa công suất bức xạ hiệu dụng của sóng mang hình với công suất bức xạ hiệu dụng của sóng mang tiếng.

18. Khai các thông tin bổ sung (Nếu có)

Phụ lục 2: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị gia hạn. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị gia hạn, ngày hết hạn của giấy phép, thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày, ví dụ: 03/12/2015).

Phụ lục 3: Thông báo ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị ngừng sử dụng. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị ngừng sử dụng, ngày hết hạn của giấy phép, ngày bắt đầu ngừng sử dụng (ví dụ: 03/12/2015).

Người phải ký, ghi rõ họ tên và có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Mẫu 1đ

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN
(Đối với đài truyền thanh không dây)

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP			
1.1. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	<input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý	
1.2. Địa chỉ liên lạc			
1.3. Địa chỉ trụ sở chính			
1.4. Số FAX/Số điện thoại		1.5. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/E-mail)	
2. TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ	<input type="checkbox"/> Cấp mới cho..... đài (..... tờ của Phụ lục 1) <input type="checkbox"/> Gia hạn cho.....giấy phép số..... (..... tờ của Phụ lục 2) <input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi cho.....giấy phép (.....tờ của Phụ lục 1) <input type="checkbox"/> Ngừng..... giấy phép số.....		
3. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không		
4. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG			
5. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG			
6. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT			
6.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.			
6.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.			
6.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng-ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan.			
6.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.			

*Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên và đóng dấu)*

*Làm tại,....., ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên*

PHỤ LỤC 1
THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC
 Cấp mới Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....
 Tờ số:...../tổng số tờ của Phụ lục:.....

1. Tên thiết bị		
2. Số giấy chứng nhận hợp quy		
3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép		<input type="checkbox"/> 1 năm <input type="checkbox"/> 2 năm <input type="checkbox"/> 3 năm Khác:.....
4. Địa điểm đặt thiết bị VTĐ		
5. Công suất phát (W)		
6. Công suất phát xạ hiệu dụng		
7. Tần số phát		
8. Ăng-ten phát	Độ cao (so với mặt đất) (m)	
	Kinh độ (° ' " E)	
	Vĩ độ (° ' " N)	
9. Các thông tin bổ sung		

Mẫu 1đ

HƯỚNG DẪN
KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ
VÀ THIẾT BỊ VTĐ (Mẫu 1đ)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Để trống những mục không phải điền.

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông, 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 2: Lô 6 khu E - Khu đô thị mới An Phú An Khánh - Phường An Phú - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.37404179; Fax: 08.37404966

Khu vực 3: Lô C1 - Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An trung - Quận Sơn trà - TP. Đà Nẵng.

Điện thoại: 0511.3933545; Fax: 0511.3933707

Khu vực 4: 386 - Cách mạng Tháng Tám, TP.Cần Thơ

Điện thoại: 0710.3832760; Fax: 0710.3832760

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng - Phường Sờ Dầu - Quận Hồng bàng - TP. Hải Phòng

Điện thoại: 031.3827857/Fax: 031.3827420

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An

Điện thoại: 038. 3833511; Fax: 038. 3849518

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 058.3892567; Fax: 058.3824410.

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/0210.3840507/0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1đ: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép, sử dụng tần số và thiết bị VTĐ; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với đài truyền thanh không dây.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa tên hợp pháp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu "X" vào ô "Đồng ý" hoặc "Không đồng ý" nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.2. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.

Điểm 1.3. Chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.

Điểm 1.4. Ghi số fax/số điện thoại của tổ chức đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).

Điểm 1.5. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 2. Tổng hợp thông tin đề nghị:

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng thiết bị đề nghị cấp giấy phép và số tờ khai của Phụ lục dành cho cấp mới vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục.

Mẫu 1đ

- Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng của giấy phép, số giấy phép vào chỗ trống.

- Đánh dấu "X" vào ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kỳ nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép, số tờ khai của Phụ lục dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.

- Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" và ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi tổ chức, cá nhân đồng thời đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Đánh dấu "X" vào ô "Ngừng" khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép, số giấy phép đề nghị ngừng sử dụng vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng.

Điểm 3. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu "X" vào ô "có" hoặc "không" nếu có/không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.

Điểm 4. Mục đích sử dụng: Ghi rõ mục đích sử dụng ví dụ như: phục vụ tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước,...

Điểm 5. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục: Thông số kỹ thuật và khai thác

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Mỗi đài truyền thanh không dây kê khai vào 1 tờ của Phụ lục. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều đài. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai, tổng số tờ của Phụ lục.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Phụ lục khi đề nghị cấp mới.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Phụ lục khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.

1. Tên thiết bị: Kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị.

2. Số giấy chứng nhận hợp quy: Kê khai số giấy chứng nhận hợp quy của thiết bị.

3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/4/2016" (ghi theo ngày/tháng/năm).

4. Địa chỉ đặt thiết bị phát sóng VTD: Kê khai tên trụ sở đặt thiết bị; địa chỉ thường trú tại nơi đặt thiết bị (số nhà, đường phố/thôn xóm, quận (huyện), tỉnh).

5. Kê khai công suất phát lớn nhất của đài.

6. Kê khai công suất phát xạ hiệu dụng của đài.

7. Tần số phát: Kê khai tần số phát đề nghị.

8. Ăng-ten phát:

- Độ cao (so với mặt đất) (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).

- Kinh độ, vĩ độ: ghi chính xác đến đơn vị giây.

9. Kê khai các thông tin bổ sung (nếu có)

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan

Mẫu 1e

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN
(Đối với tuyến truyền dẫn vi ba)

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Cơ quan, tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP			
1.1. Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
1.2. Giấy phép thiết lập mạng viễn thông	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
	Thời hạn sử dụng	từ ngày	đến ngày
1.3. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu		<input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý
1.4. Địa chỉ liên lạc			
1.5. Địa chỉ trụ sở chính			
1.6. Số FAX/số điện thoại		1.7. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/email)	
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG			
<input type="checkbox"/> Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng <input type="checkbox"/> Thiết lập mạng viễn thông công cộng <input type="checkbox"/> Thiết lập mạng truyền dẫn PTTH <input type="checkbox"/> Khác.....			
3. TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ			
<input type="checkbox"/> Cấp mới cho..... tuyến vi ba (..... tờ của Phụ lục 1) <input type="checkbox"/> Gia hạn cho.....giấy phép số..... (..... tờ của Phụ lục 2) <input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi cho.....giấy phép (.....tờ của Phụ lục 1) <input type="checkbox"/> Ngừng.....giấy phép số..... (..... tờ của Phụ lục 3)			
4. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ			
<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không			
5. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG			
6. TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT			
6.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.			
6.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.			
6.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng-ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan.			
6.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.			

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên và đóng dấu)

Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên

PHỤ LỤC 1
THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC
 Cấp mới Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....
 Tờ số:...../tổng số tờ của Phụ lục 1:.....

	TRẠM “THỨ NHẤT”	TRẠM “THỨ HAI”
I. THÔNG SỐ CỦA TRẠM		
1. Hồ hiệu (tên/mã trạm)		
2. Kinh độ		
3. Vĩ độ		
4. Cự ly tuyến (km)		
5. Địa điểm đặt		
II. CHI TIẾT THÔNG SỐ KỸ THUẬT		
1. Tên thiết bị		
2. Hãng sản xuất		
3. Dải tần số thu (MHz)		
4. Dải tần số phát (MHz)		
5. Kiểu điều chế		
6. Bước nhảy tần (kHz)		
7. Công suất phát (dBm)		
8. Hệ số tạp âm (dB)		
9. Tần số phát (MHz)		
10. Băng thông (MHz)		
11. Tốc độ truyền dẫn tối thiểu (Mbit/s)		
12. Độ nhạy máy thu (dBm)		
13. Suy hao Tx (dB)		
14. Fade margin (dB)		
III. THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĂNG-TEN		
1. Tên ăng-ten		
2. Hãng sản xuất		
3. Hướng tính		
4. Kích thước		
5. Độ cao so với mặt đất (m)		
6. Phân cực (tuyến tính, tròn, v.v.)		
7. Hệ số khuếch đại (dBi)		
8. Giảm đồ bức xạ		
IV. THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	<input type="checkbox"/> 1 năm <input type="checkbox"/> 2 năm <input type="checkbox"/> 3 năm Khác:.....	
V. THÔNG TIN BỔ SUNG		

Mẫu 1e

HƯỚNG DẪN
KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ
VÀ THIẾT BỊ VTĐ
(Đối với thiết bị vi ba - Mẫu 1e)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm - Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Để trống những mục không phải điền.

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông, 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 2: Lô 6 khu E - Khu đô thị mới An Phú An Khánh - Phường An Phú - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.37404179; Fax: 08.37404966

Khu vực 3: Lô C1 - Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An trung - Quận Sơn trà - TP. Đà Nẵng.

Điện thoại: 0511.3933545; Fax: 0511.3933707

Khu vực 4: 386 - Cách mạng Tháng Tám, TP.Cần Thơ

Điện thoại: 0710.3832760; Fax: 0710.3832760

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng - Phường Sờ Dầu - Quận Hồng bàng - TP. Hải Phòng

Điện thoại: 031.3827857/Fax: 031.3827420

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An

Điện thoại: 038. 3833511; Fax: 038. 3849518

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 058.3892567; Fax: 058.3824410.

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/0210.3840507/0210.3840504
 Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1e: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp cho các tuyến truyền dẫn vi ba.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Ghi tên hợp pháp của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép (bằng chữ hoa).

Điểm 1.1. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

Điểm 1.2. Đối với mạng viễn thông công cộng, mạng viễn thông dùng riêng phải có giấy phép thiết lập mạng viễn thông. Ghi số, ngày cấp, cơ quan cấp, thời hạn sử dụng theo Giấy phép thiết lập mạng viễn thông tương ứng.

Điểm 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu "X" vào ô "Đồng ý" hoặc "Không đồng ý" nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức, doanh. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.

Mẫu 1e

Điểm 1.5. Chi ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, doanh nghiệp. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.

Điểm 1.6. Ghi số fax/số điện thoại của tổ chức đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).

Điểm 1.7. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 2. Mục đích sử dụng

- Đánh dấu "X" vào ô "Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng" nếu tổ chức đề nghị được thiết lập mạng viễn thông dùng riêng.

- Đánh dấu "X" vào ô "thiết lập mạng viễn thông công cộng" nếu tổ chức đề nghị thiết lập mạng viễn thông công cộng.

- Đánh dấu "X" vào ô "thiết lập mạng truyền dẫn phát thanh truyền hình" nếu tổ chức đề nghị thiết lập mạng truyền dẫn phát thanh truyền hình.

- Đánh dấu "X" vào ô "khác" nếu mục đích sử dụng của tổ chức nằm ngoài các mục đích trên và ghi cụ thể.

Điểm 3. Tổng hợp thông tin đề nghị:

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng tuyến vi ba đề nghị cấp giấy phép và số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho cấp mới (tương ứng với số tuyến) vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp cấp mới.

- Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng giấy phép và tổng số tờ của Phụ lục 2 vào chỗ trống. Khai các thông số trong Phụ lục 2 dành cho gia hạn. Trường hợp đề nghị gia hạn số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép và thời gian đề nghị gia hạn vào chỗ trống của dòng khai dành cho gia hạn, không cần khai trong Phụ lục 2.

- Đánh dấu "X" vào ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kỳ nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.

- Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" và ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi tổ chức, cá nhân đồng thời đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Đánh dấu "X" vào ô "Ngừng" khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép đề nghị ngừng sử dụng và tổng số tờ của Phụ lục 3 vào chỗ trống. Trường hợp đề nghị ngừng số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng và không cần khai Phụ lục 3.

Điểm 4. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu "X" vào ô "có" hoặc "không" nếu có/không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.

Điểm 5. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật, khai thác

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Mỗi tờ khai của Phụ lục dùng để kê khai cho một tuyến truyền dẫn vi ba. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai cho nhiều tuyến vi ba. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ của Phụ lục.

Mẫu 1e

- Khai tất cả các thông số trong Phụ lục 1 khi đề nghị cấp mới.
- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung trong Phụ lục 1 khi sửa đổi, bổ sung, các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.

I. Thông số của trạm

- Điểm 1. Hồ hiệu đề nghị được sử dụng cho thiết bị thu/phát, có thể lấy tên trụ sở làm hồ hiệu.
- Điểm 2, 3. Ghi kinh độ, vĩ độ của vị trí đặt ăng-ten của mỗi thiết bị ở dạng thập phân, ví dụ: 105,2460 đông.
- Điểm 4. Là khoảng cách (tính theo đường thẳng) giữa hai trạm.
- Điểm 5. Ghi tên trụ sở đặt thiết bị; địa chỉ nơi đặt thiết bị, khai đầy đủ số nhà, đường phố, phường (xã), quận (huyện), thành phố (tỉnh).

II. Chi tiết thông số kỹ thuật

- Điểm 1. Khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị.
- Điểm 2. Ghi tên hãng sản xuất của thiết bị.
- Điểm 3, 4. Ghi dải tần mà thiết bị cho phép lựa chọn (tính từ tần số thấp nhất đến tần số cao nhất).
- Điểm 5. Ghi các kiểu điều chế mà thiết bị cho phép lựa chọn. Ví dụ: QPSK, BPSK,...
- Điểm 6. Ghi bước nhảy tần của thiết bị, là khoảng cách giữa hai tần số kế tiếp nhau mà thiết bị cho phép lựa chọn trong dải tần nêu trên.
- Điểm 7. Ghi công suất phát (dBm).
- Điểm 8. Ghi hệ số tạp âm (theo đơn vị dB) của máy thu.
- Điểm 9. Ghi tần số phát đề nghị (theo đơn vị MHz).
- Điểm 10. Ghi băng thông của thiết bị (theo đơn vị MHz), là độ chiếm dụng băng tần của thiết bị khi khai thác ở tốc độ truyền.
- Điểm 11. Ghi tốc độ truyền dẫn tối thiểu của cặp vi ba (theo đơn vị Mbit/s).
- Điểm 12. Ghi độ nhạy của máy thu theo đơn vị dBm.
- Điểm 13. Ghi suy hao trên đường truyền ra ăng-ten của máy phát.
- Điểm 14. Ghi dự trữ pha - đỉnh theo đơn vị dB.

III. Thông số kỹ thuật của ăng-ten.

- Điểm 1, 2. Tên ăng-ten và hãng sản xuất được ghi trên ăng-ten.
- Điểm 3. Hướng tính của ăng-ten (có hướng hay vô hướng).
- Điểm 4. Kích thước của ăng-ten là độ dài của ăng-ten hoặc đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).
- Điểm 5. Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).
- Điểm 6. Khai phân cực của ăng-ten như thẳng đứng, nằm ngang, phân cực tròn,...
- Điểm 7. Hệ số khuếch đại ghi theo đơn vị dBi.
- Điểm 8. Giản đồ bức xạ: Đối với ăng-ten theo chuẩn của ITU khai ký hiệu của giản đồ ; Đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Catalog mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

IV. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép:

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/04/2016” (ghi theo ngày/tháng/năm).

Mẫu 1e***Phụ lục 2: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện***

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị gia hạn. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị gia hạn, ngày hết hạn của giấy phép, thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày, ví dụ: 03/12/2015).

Phụ lục 3: Thông báo ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị ngừng sử dụng. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị ngừng sử dụng, ngày hết hạn của giấy phép, ngày bắt đầu ngừng sử dụng (ví dụ: 03/12/2015).

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên và có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Mẫu 1g

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN
(Đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động)

- CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. TÊN TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP			
1.1. Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (nếu là cá nhân đề nghị cấp giấy phép)	Số		Ngày cấp
	Cấp tại		
1.2. Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (nếu là tổ chức đề nghị cấp giấy phép)	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
1.3. Giấy phép viễn thông	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
	Thời hạn sử dụng:	từ ngày	đến ngày
1.4. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	<input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý	
1.5. Địa chỉ liên lạc			
1.6. Địa chỉ trụ sở chính/thường trú			
1.7. Số FAX/Số điện thoại		1.8. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/email)	
2. TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ	<input type="checkbox"/> Cấp mới cho..... mạng thông tin (..... tờ của Phụ lục 1)		
	<input type="checkbox"/> Gia hạn cho.....giấy phép số..... (..... tờ của Phụ lục 2)		
	<input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi cho.....giấy phép (.....tờ của Phụ lục 1)		
	<input type="checkbox"/> Ngừng.....giấy phép số..... (.....tờ của Phụ lục 3)		
3. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không		
4. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG			
5. TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT			
5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.			
5.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.			
5.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng-ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan.			
5.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.			

*Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên và đóng dấu)*

*Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên*

PHỤ LỤC 1

THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC

Cấp mới Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....

Tờ số:...../tổng số tờ của Phụ lục 1:.....

1. Tổng số thiết bị trong mạng		2. Giờ liên lạc	
3. Phạm vi hoạt động			
4. Sử dụng mã hóa (khi dùng chung tần số)		<input type="checkbox"/> Có. Loại mã:..... <input type="checkbox"/> Không	
5. Cấu hình mạng		<input type="checkbox"/> Đơn công <input type="checkbox"/> Song công/Bán song công	
		- Khoảng cách thu/phát tối thiểu (kHz): - Khoảng cách thu/phát tối đa (kHz):	
6. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép		<input type="checkbox"/> 1 năm <input type="checkbox"/> 2 năm <input type="checkbox"/> 3 năm Khác:.....	
7. Mục đích sử dụng			
8. Thông số kỹ thuật và khai thác của các loại thiết bị di động			
Loại thiết bị (số lượng)			
Thông số kỹ thuật			
8.1. Số giấy chứng nhận hợp quy			
8.2. Các mức công suất phát (W)			
8.3. Kiểu điều chế			
8.4. Phương thức phát			
8.5. Dải thông(kHz) hoặc tốc độ truyền (Kb/s)			
8.6. Dải tần thiết bị		Phát	
		Thu	
8.7. Ăng-ten	Dải tần làm việc		
	Hệ số khuếch đại (dBi)		
	Độ cao (so với mặt đất) (m)		
8.8. Bổ sung/Thay thế/Hủy bỏ			
8.9. Kinh độ, vĩ độ <i>Chỉ áp dụng cho mạng nội bộ (vị trí trung tâm của vùng hoạt động)</i>		° ' " E ° ' " N	
8.10. Hồ hiệu của thiết bị VTĐ di động đề nghị			
9. Thông số kỹ thuật và khai thác của các thiết bị cố định			
Thiết bị			
Thông số kỹ thuật			
9.1. Số giấy chứng nhận hợp quy			
9.2. Các mức công suất phát (W)			

Mẫu 1g

9.3. Kiểu điều chế				
9.4. Phương thức phát				
9.5. Dải thông (kHz) hoặc tốc độ truyền (Kb/s)				
9.6. Dải tần thiết bị	Phát			
	Thu			
9.7. Địa điểm đặt thiết bị (Thôn, xã, phường, quận, huyện)				
9.8. Hồ hiệu đề nghị				
9.9. Ăng-ten	Kiểu			
	Dải tần làm việc			
	Hệ số khuếch đại			
	Kích thước			
	Độ cao (so với mặt đất) (m)			
	Kinh độ ($^{\circ}$ ' " E)			
	Vĩ độ ($^{\circ}$ ' " N)			
Góc phương vị của hướng bức xạ chính ($^{\circ}$)				
9.10. Bổ sung/Thay thế/Hủy bỏ				
10. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG				

Mẫu 1g

HƯỚNG DẪN
KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ
VÀ THIẾT BỊ VTĐ (Mẫu 1g)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Để trống những mục không phải điền.

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông, 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 2: Lô 6 khu E - Khu đô thị mới An Phú An Khánh - Phường An Phú - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.37404179; Fax: 08.37404966

Khu vực 3: Lô C1 - Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An trung - Quận Sơn trà - TP. Đà Nẵng.

Điện thoại: 0511.3933545; Fax: 0511.3933707

Khu vực 4: 386 - Cách mạng Tháng Tám, TP. Cần Thơ

Điện thoại: 0710.3832760; Fax: 0710.3832760

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng - Phường Sở Dầu - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Điện thoại: 031.3827857/Fax: 031.3827420

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An

Điện thoại: 038. 3833511; Fax: 038. 3849518

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 058.3892567; Fax: 058.3824410.

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/0210.3840507/0210.3840504

Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1g: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép, sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, mạng viễn thông dùng riêng có sử dụng tần số vô tuyến điện thuộc nghiệp di động.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa họ tên của cá nhân hoặc tên hợp pháp của tổ chức/hộ kinh doanh đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Chỉ áp dụng đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số chứng minh nhân dân (hộ chiếu), ngày cấp, nơi cấp của cá nhân là người Việt Nam đề nghị cấp giấy phép; ghi theo hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.2. Chỉ áp dụng đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

Điểm 1.3. Chỉ áp dụng cho trường hợp quy định của pháp luật viễn thông yêu cầu cần phải có giấy phép viễn thông tương ứng.

Điểm 1.4. Áp dụng đối với cả tổ chức và cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số tài khoản và ghi tên ngân hàng mở tài khoản. Đánh dấu "X" vào ô "Đồng ý" hoặc "Không đồng ý" nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.5. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.

Mẫu 1g

- Điểm 1.6. Chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, của hộ kinh doanh, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.
- Điểm 1.7. Ghi số fax/số điện thoại của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng)
- Điểm 1.8. Chỉ áp dụng đối với tổ chức hoặc hộ kinh doanh đề nghị cấp giấy phép. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.
- Điểm 2. Tổng hợp thông tin đề nghị:
- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng mạng thông tin vô tuyến điện đề nghị cấp giấy phép và số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho cấp mới vào chỗ trống (trùng ứng với số lượng mạng thông tin vô tuyến điện). Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp cấp mới.
 - Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng giấy phép và tổng số tờ của Phụ lục 2 vào chỗ trống. Khai các thông số trong Phụ lục 2 dành cho gia hạn. Trường hợp đề nghị gia hạn số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép và thời gian đề nghị gia hạn vào chỗ trống của dòng khai dành cho gia hạn, không cần khai trong Phụ lục 2.
 - Đánh dấu "X" vào ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kỳ nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.
 - Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" và ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi tổ chức, cá nhân đồng thời đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Ngừng" khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép đề nghị ngừng sử dụng và tổng số tờ của Phụ lục 3 vào chỗ trống. Trường hợp đề nghị ngừng số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng và không cần khai Phụ lục 3.
- Điểm 3. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu "X" vào ô "có" hoặc "không" nếu có/không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.
- Điểm 4. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có)

Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật, khai thác

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.
 - Mỗi tờ khai của Phụ lục dùng để kê khai cho một mạng thông tin vô tuyến điện. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều mạng. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ khai, tổng số tờ của Phụ lục.
 - Kê khai tất cả các thông số trong Phụ lục 1 khi đề nghị cấp mới.
 - Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Phụ lục 1 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.
1. Ghi rõ tổng số thiết bị có trong mạng, bao gồm cả thiết bị cố định và di động.
 2. Giờ liên lạc: Ghi giờ liên lạc đề nghị, nếu liên lạc vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi "Hx", nếu liên lạc tất cả thời gian trong ngày thì ghi "H24".
 3. Phạm vi hoạt động: Kê khai phạm vi lưu động: lưu động trong phạm vi nào: số nhà, đường, phường(xã), quận(huyện), thành phố(tỉnh)/khu vực.../toàn quốc.
 4. Chỉ áp dụng đối với trường hợp dùng chung tần số. Đánh dấu "X" vào ô "có" hoặc "không" nếu có/không sử dụng mã hóa. Ghi loại mã đề nghị sử dụng.

Mẫu 1g

5. Cấu hình mạng: Đánh dấu “X” vào ô “đơn công” nếu mạng hoạt động ở chế độ đơn công hoặc “Song công/Bán song công nếu mạng hoạt động ở chế độ Song công/Bán song công và ghi khoảng cách thu phát tối thiểu, khoảng cách thu phát tối đa theo đơn vị kHz.

6. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/4/2016” (ghi theo ngày/tháng/năm).

7. Ghi rõ sử dụng tần số và thiết bị VTĐ cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...

8. **Thông số kỹ thuật và khai thác của các loại thiết bị di động:** Kê khai theo loại thiết bị, không kê khai từng thiết bị. Mỗi loại thiết bị di động được khai vào một cột. Kê khai tên thiết bị, ký hiệu (model) của thiết bị và số lượng thiết bị cùng loại đó vào hàng trên cùng của mỗi cột.

8.1. Số giấy chứng nhận hợp quy: Kê khai số giấy chứng nhận hợp quy của thiết bị.

8.2. Các mức công suất phát (W): Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo như: công suất cực đại, công suất cực tiểu, công suất danh định,...

8.3. Kiểu điều chế: Kê khai kiểu điều chế của thiết bị. Ví dụ: AM, FM, PSK,...

8.4. Phương thức phát: Kê khai các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

8.5. Dải thông (kHz) hoặc tốc độ truyền (Kb/s): Kê khai độ chiếm dụng băng tần của một kênh (kHz) hoặc khai tốc độ truyền của thiết bị đó theo đơn vị Kb/s.

8.6. Dải tần thiết bị. Là dải tần phát/thu mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

8.7. Ăng-ten:

- Dải tần làm việc: Kê khai dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được với các chỉ tiêu kỹ thuật đã cho.

- Hệ số khuếch đại (dBi): Kê khai hệ số khuếch đại của ăng-ten

- Độ cao (so với mặt đất) (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten), tính theo mét (m)

8.8. Chi áp dụng đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung:

- Ghi bổ sung đối với thiết bị mới bổ sung vào mạng, tên thiết bị, tổng số thiết bị bổ sung tương ứng với từng loại và kê khai toàn bộ thông số.

- Ghi thay thế cho thiết bị (cụ thể: số lượng thay thế, cho thiết bị nào, địa điểm đặt trong giấy phép cũ) đối với trường hợp thay thế thiết bị cũ bằng thiết bị mới. Nếu thiết bị mới thay thế thuộc loại khác so với thiết bị cũ thì phải kê khai toàn bộ thông số.

- Ghi hủy bỏ đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ thiết bị nào, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

8.9. Đối với mạng nội bộ thì kê khai kinh độ, vĩ độ của vị trí trung tâm của vùng hoạt động theo độ, phút, giây.

8.10. Hồ hiệu của thiết bị VTĐ di động đề nghị: Liệt kê các hồ hiệu đề nghị sử dụng để thuận tiện cho công việc (lưu ý: Khi mạng hoạt động sẽ phải sử dụng các hồ hiệu đã được ghi trong giấy phép)

9. **Thông số kỹ thuật và khai thác của các thiết bị cố định:** Mỗi thiết bị được khai vào một cột. Ghi tên thiết bị, ký hiệu (model) vào hàng trên cùng của mỗi cột.

9.1. Số giấy chứng nhận hợp quy: Kê khai số giấy chứng nhận hợp quy của thiết bị.

9.2. Các mức công suất phát (W): Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo như: công suất cực đại, công suất cực tiểu, công suất danh định,...

9.3. Kiểu điều chế: Kê khai kiểu điều chế của thiết bị. Ví dụ: AM, FM, PSK,...

9.4. Phương thức phát: Kê khai các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

9.5. Dải thông (kHz) hoặc tốc độ truyền (Kb/s): Kê khai độ chiếm dụng băng tần của một kênh (kHz) hoặc khai tốc độ truyền của thiết bị đó theo đơn vị Kb/s.

Mẫu 1g

9.6. Dải tần thiết bị: Là dải tần phát/thu mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

9.7. Kê khai địa điểm đặt thiết bị (Thôn, xã, phường, quận, huyện).

9.8. Hồ hiệu đề nghị: Liệt kê các hồ hiệu đề nghị sử dụng để thuận tiện cho công việc (lưu ý: khi mạng hoạt động sẽ phải sử dụng các hồ hiệu đã được cấp phép).

9.9. Ăng-ten:

- Kiểu: Kê khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo Catalog. VD: Càn, Dipol...

- Dải tần làm việc: Kê khai dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được với các chỉ tiêu kỹ thuật đã cho.

- Hệ số khuếch đại (dBi): Kê khai hệ số khuếch đại của ăng-ten.

- Kích thước: Kê khai kích thước của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).

- Độ cao (so với mặt đất) (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten), tính theo mét (m).

- Kinh độ, vĩ độ: kê khai vị trí lắp đặt ăng-ten chính xác đến độ, phút, giây.

- Góc phương vị của hướng bức xạ chính (o): là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ.

9.10. Chỉ áp dụng đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung:

- Ghi bổ sung đối với thiết bị mới bổ sung vào mạng, loại thiết bị, tổng số thiết bị bổ sung tương ứng với từng loại và kê khai toàn bộ thông số.

- Ghi thay thế cho thiết bị (cụ thể: số lượng thay thế, cho loại thiết bị nào, địa điểm đặt trong giấy phép cũ) đối với trường hợp thay thế thiết bị cũ bằng thiết bị mới. Nếu thiết bị mới thay thế thuộc loại khác so với thiết bị cũ thì phải kê khai toàn bộ thông số.

- Ghi hủy bỏ đối với trường hợp hủy bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ thiết bị loại nào, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

10. Kê khai các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục 2: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị gia hạn. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị gia hạn, ngày hết hạn của giấy phép, thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày, ví dụ: 03/12/2015).

Phụ lục 3: Thông báo ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị ngừng sử dụng. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị ngừng sử dụng, ngày hết hạn của giấy phép, ngày bắt đầu ngừng sử dụng (ví dụ: 03/12/2015).

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Mẫu 1h

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN
(Đối với đài tàu)

- CHÚ Ý: 1. Không áp dụng đối với thiết bị thông tin vệ tinh ngoài hệ thống GMDSS.
2. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
3. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. TÊN TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP			
1.1. Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (nếu là cá nhân đề nghị cấp giấy phép)	Số		Ngày cấp
	Cấp tại		
1.2. Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (nếu là tổ chức)	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp:		
1.3. Tài khoản	Số:		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng ủy nhiệm thu	<input type="checkbox"/> Đồng ý	<input type="checkbox"/> Không đồng ý
1.4. Địa chỉ liên lạc			
1.5. Địa chỉ trụ sở chính/thường trú			
1.6. Số FAX/Số điện thoại	1.7. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động)		
2. TÊN CHỦ TÀU:			
3. TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ		<input type="checkbox"/> Cấp mới cho..... đài tàu (..... tờ của Phụ lục 1) <input type="checkbox"/> Gia hạn cho..... giấy phép số..... (..... tờ của Phụ lục 2) <input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi cho..... giấy phép (..... tờ của Phụ lục 1) <input type="checkbox"/> Ngừng..... giấy phép số..... (..... tờ của Phụ lục 3)	
4. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ		<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	
5. MÃ NHẬN DẠNG CƠ QUAN THANH TOÁN VIỄN THÔNG QUỐC TẾ			
6. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG			
7. TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT			
7.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.			
7.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng hải phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.			
7.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.			
7.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng-ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan.			
7.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.			

*Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên và đóng dấu)*

*Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên*

Mẫu 1h

PHỤ LỤC 1
THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC
 Cấp mới **Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....**
Tờ số:...../tổng số tờ của Phụ lục 1:.....

1. TÊN TÀU		2. LOẠI TÀU (SÔNG, BIỂN,...)			
3. SỐ GỌI CHỌN:					
4. TỔNG DUNG TÍCH:		5. SỐ CHỖ			
6. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG (VÙNG BIỂN A1; A2; A3; A4,.....)					
7. THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP		<input type="checkbox"/> 1 năm <input type="checkbox"/> 2 năm <input type="checkbox"/> 3 năm Khác:.....			
8. ĐẶC ĐIỂM THIẾT BỊ PHÁT HOẶC THU - PHÁT VTD TRANG BỊ TRÊN TÀU					
LOẠI THIẾT BỊ (MF, HF, VHF)	TÊN THIẾT BỊ	BỔ SUNG/ THAY THẾ/ HỦY BỎ	CÔNG SUẤT PHÁT (W)	DẢI TẦN HOẠT ĐỘNG từ.... đến.... (MHz)	PHƯƠNG THỨC PHÁT
9. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG					

HƯỚNG DẪN
KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ
VÀ THIẾT BỊ PHÁT SÓNG VTD (Mẫu 1h)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Để trống những mục không phải điền.

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông, 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 2: Lô 6 khu E - Khu đô thị mới An Phú An Khánh - Phường An Phú - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.37404179; Fax: 08.37404966

Khu vực 3: Lô C1 - Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An trung - Quận Sơn trà - TP. Đà Nẵng.

Điện thoại: 0511.3933545; Fax: 0511.3933707

Khu vực 4: 386 - Cách mạng Tháng Tám, TP.Cần Thơ

Điện thoại: 0710.3832760; Fax: 0710.3832760

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng - Phường Sờ Dầu - Quận Hồng bàng - TP. Hải Phòng

Điện thoại: 031.3827857/Fax: 031.3827420

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An

Điện thoại: 038. 3833511; Fax: 038. 3849518

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 058.3892567; Fax: 058.3824410.

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/0210.3840507/0210.3840504
Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1h: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTD (không áp dụng cho thiết bị thông tin vệ tinh ngoài hệ thống GMDSS); gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp cho đài tàu.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa họ tên của cá nhân hoặc tên của hộ kinh doanh hoặc tên hợp pháp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Chỉ áp dụng đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số chứng minh nhân dân (hộ chiếu), ngày cấp, nơi cấp của cá nhân là người Việt Nam đề nghị cấp giấy phép; ghi theo hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.2. Chỉ áp dụng đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

Điểm 1.3. Áp dụng đối với cả tổ chức và cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số tài khoản và ghi tên ngân hàng mở tài khoản. Đánh dấu "X" vào ô "Đồng ý" hoặc "Không đồng ý" nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.

Mẫu 1h

- Điểm 1.5. Chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, của hộ kinh doanh địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.
- Điểm 1.6. Ghi số fax/số điện thoại của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).
- Điểm 1.7. Chỉ áp dụng đối với tổ chức hoặc hộ kinh doanh đề nghị cấp giấy phép. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.
- Điểm 2. Viết hoa tên của chủ tàu (ví dụ: NGUYỄN VĂN A).
- Điểm 3. Tổng hợp thông tin đề nghị:
- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng đài tàu đề nghị cấp giấy phép và số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho cấp mới vào chỗ trống (trùng với số lượng đài tàu cấp mới). Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục dành cho trường hợp cấp mới.
 - Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng giấy phép và tổng số tờ của Phụ lục 2 vào chỗ trống. Khai các thông số trong Phụ lục 2 dành cho gia hạn. Trường hợp đề nghị gia hạn số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép và thời gian đề nghị gia hạn vào chỗ trống của dòng khai dành cho gia hạn, không cần khai trong Phụ lục 2.
 - Đánh dấu "X" vào ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kỳ nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.
 - Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" và ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi tổ chức, cá nhân đồng thời đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Ngừng" khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép đề nghị ngừng sử dụng và tổng số tờ của Phụ lục 3 vào chỗ trống. Trường hợp đề nghị ngừng số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng và không cần khai Phụ lục 3.
- Điểm 4. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu "X" vào ô "có" hoặc "không" nếu có/không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.
- Điểm 5. Mã nhận dạng cơ quan thanh toán viễn thông quốc tế: Ghi mã của cơ quan đại diện mà chủ tàu đăng ký thanh toán cước viễn thông quốc tế qua cơ quan đó, ví dụ VT01, VT02,...
- Điểm 6. Ghi thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật và khai thác

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Mỗi tờ khai của Phụ lục dùng để kê khai cho một đài tàu. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều đài tàu. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ ở từng Phụ lục.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Phụ lục nếu đề nghị cấp mới. Các thiết bị cùng loại có thông số giống nhau có thể kê khai một lần và ghi rõ số lượng thiết bị.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Phụ lục bổ sung, sửa đổi.

1. Viết hoa tên tàu: (ví dụ: VINALINES). Lưu ý: ghi tên tàu đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

2. Loại tàu: ghi rõ tàu khách, tàu sông, tàu đánh bắt cá,....

3. Số gọi chọn: là dãy số gồm 9 chữ số do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho tàu.

4. Tổng dung tích: ghi tổng dung tích của tàu theo giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Mẫu 1h

5. Kê khai số chỗ của tàu (đối với tàu khách, ghi theo giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp).

6. Kê khai phạm vi hoạt động của tàu biển (ví dụ: vùng biển A1, A2, A3, A4...) đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép.

7. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép tần số và thiết bị phát sóng VTĐ: đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/4/2016” (ghi theo ngày/tháng/năm).

8. Đặc điểm thiết bị phát hoặc thu - phát VTĐ trang bị trên tàu: Mỗi loại thiết bị được kê khai vào một dòng.

- Loại thiết bị: (ví dụ: HF, MF, VHF...)

- Tên thiết bị: Kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị

- Bổ sung/Thay thế/Hủy bỏ: áp dụng cho trường hợp sửa đổi bổ sung:

o Ghi bổ sung đối với thiết bị mới bổ sung vào và khai đầy đủ các thông số.

o Ghi thay thế cho thiết bị (cụ thể: loại thiết bị nào trong giấy phép cũ) đối với trường hợp thay thế thiết bị cũ bằng thiết bị mới và khai đầy đủ các thông số nếu thiết bị thay thế là thiết bị thuộc loại mới.

o Ghi hủy bỏ đối với trường hợp hủy bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị nào theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Công suất phát (W): Kê khai mức công suất phát của thiết bị

- Dải tần hoạt động: kê khai dải tần hoạt động của thiết bị (ví dụ: từ 5 MHz đến 10 MHz)

- Phương thức phát: Kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;....

9. Thông tin bổ sung: ghi các thông tin bổ sung nếu có.

Phụ lục 2: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị gia hạn. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị gia hạn, ngày hết hạn của giấy phép, thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày, ví dụ: 03/12/2015).

Phụ lục 3: Thông báo ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị ngừng sử dụng. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị ngừng sử dụng, ngày hết hạn của giấy phép, ngày bắt đầu ngừng sử dụng (ví dụ: 03/12/2015).

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Mẫu 1i

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN
(Đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá)

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. TÊN TỔ CHỨC (HOẶC CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP			
1.1. Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (nếu là cá nhân đề nghị cấp giấy phép)	Số		Ngày cấp
	Cấp tại		
1.2. Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (nếu là tổ chức)	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
1.3. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	<input type="checkbox"/> Đồng ý	<input type="checkbox"/> Không đồng ý
1.4. Địa chỉ liên lạc			
1.5. Địa chỉ trụ sở chính/thường trú			
1.6. Số FAX/Số điện thoại		1.7. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/email)	
2. TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ	<input type="checkbox"/> Cấp mới cho..... thiết bị (..... tờ của Phụ lục 1)		
	<input type="checkbox"/> Gia hạn cho.....giấy phép số..... (..... tờ của Phụ lục 2)		
	<input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi cho..... giấy phép (..... tờ của Phụ lục 1)		
	<input type="checkbox"/> Ngừng..... giấy phép số..... (..... tờ của Phụ lục 3)		
3. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không		
4. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG			
5. TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT			
5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.			
5.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.			
5.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng-ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan.			
5.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.			

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan (đối với tổ chức)
hoặc xác nhận của UBND phường, xã nơi ở hiện tại
(dùng cho trường hợp cá nhân không có chứng minh
nhân dân) (ký tên và đóng dấu)

Làm tại,....., ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên

PHỤ LỤC 1**THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC**

Cấp mới Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....

Tờ số:...../tổng số tờ của Phụ lục 1:.....

1. CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC CỦA ĐÀI VÔ TUYẾN ĐIỆN:	
Tham số kỹ thuật	Thiết bị phát
1.1. Số giấy chứng nhận hợp quy	
1.2. Công suất phát tối đa	
1.3. Phương thức phát	
1.4. Dải tần thiết bị	Phát
	Thu
1.5. Địa điểm đặt (thôn, xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố)	
1.6. Ăng-ten	Kiểu
	Kích thước (m)
	Độ cao so với mặt đất (m)
1.7. Hồ hiệu đề nghị	
1.8. Giờ hoạt động	
1.9. Đối tượng liên lạc	
2. Sử dụng mã hóa (khi dùng chung tần số)	<input type="checkbox"/> Có. Loại mã:..... <input type="checkbox"/> Không
3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép	<input type="checkbox"/> 1 năm <input type="checkbox"/> 2 năm <input type="checkbox"/> 3 năm Khác:.....
4. Mục đích sử dụng	
5. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG:	

Mẫu 1i

HƯỚNG DẪN
KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ
VÀ THIẾT BỊ PHÁT SÓNG VTD (Mẫu 1i)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Để trống những mục không phải điền.

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông, 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 2: Lô 6 khu E - Khu đô thị mới An Phú An Khánh - Phường An Phú - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.37404179; Fax: 08.37404966

Khu vực 3: Lô C1 - Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An trung - Quận Sơn trà - TP. Đà Nẵng.

Điện thoại: 0511.3933545; Fax: 0511.3933707

Khu vực 4: 386 - Cách mạng Tháng Tám, TP. Cần Thơ

Điện thoại: 0710.3832760; Fax: 0710.3832760

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng - Phường Sờ Dầu - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Điện thoại: 031.3827857/Fax: 031.3827420

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An

Điện thoại: 038. 3833511; Fax: 038. 3849518

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 058.3892567; Fax: 058.3824410.

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/0210.3840507/0210.3840504
 Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1i: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTD; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp cho đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa họ tên của cá nhân hoặc tên của hộ kinh doanh hoặc tên hợp pháp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Chỉ áp dụng đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số, ngày cấp, nơi cấp của chứng minh nhân dân (hộ chiếu) đối với cá nhân là người Việt Nam đề nghị cấp giấy phép; ghi theo hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.2. Chỉ áp dụng đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

Điểm 1.3. Áp dụng đối với cả tổ chức và cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số tài khoản và ghi tên ngân hàng mở tài khoản. Đánh dấu "X" vào ô "Đồng ý" hoặc "Không đồng ý" nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.

Mẫu 1i

- Điểm 1.5. Chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, của hộ kinh doanh địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.
- Điểm 1.6. Ghi số fax/số điện thoại của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng)
- Điểm 1.7. Chỉ áp dụng đối với tổ chức hoặc hộ kinh doanh đề nghị cấp giấy phép. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.
- Điểm 2. Tổng hợp thông tin đề nghị:
- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng thiết bị đề nghị cấp giấy phép và số tờ khai của Phụ lục dành cho cấp mới vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1.
 - Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng giấy phép và tổng số tờ của Phụ lục 2 vào chỗ trống. Khai các thông số trong Phụ lục 2 dành cho gia hạn. Trường hợp đề nghị gia hạn số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép và thời gian đề nghị gia hạn vào chỗ trống của dòng khai dành cho gia hạn, không cần khai trong Phụ lục 2.
 - Đánh dấu "X" vào ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kỳ nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.
 - Đánh dấu "X" vào ô "Ngừng" khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép đề nghị ngừng sử dụng và tổng số tờ của Phụ lục 3 vào chỗ trống. Trường hợp đề nghị ngừng số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng và không cần khai Phụ lục 3.
 - Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" và ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi tổ chức, cá nhân đồng thời đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.
- Điểm 3. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu "X" vào ô "có" hoặc "không" nếu có/không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.
- Điểm 4. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật và khai thác

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Mỗi tờ khai của Phụ lục dùng để kê khai một đài vô tuyến điện. Có thể dùng nhiều Phụ lục nếu cần kê khai nhiều đài. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai, tổng số tờ của Phụ lục.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Phụ lục 1 khi đề nghị cấp mới.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Phụ lục 1 khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.

1. Các thông số kỹ thuật, khai thác của đài VTĐ:

Thiết bị phát: Kê khai tên thiết bị, ký hiệu (model) của thiết bị vào hàng trên cùng của cột.

1.1. Số giấy chứng nhận hợp quy: Kê khai số giấy chứng nhận hợp quy của thiết bị.

1.2. Công suất phát tối đa: Kê khai công suất phát tối đa của thiết bị.

Mẫu 1i

1.3. Phương thức phát: Kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng (theo thiết kế chế tạo của thiết bị). Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E.

1.4. Dải tần thiết bị: kê khai dải tần hoạt động của thiết bị (ví dụ: từ 5 MHz đến 10 MHz).

1.5. Địa điểm đặt (thôn, xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố): Kê khai theo địa điểm đặt thiết bị.

1.6. Ăng-ten:

- Kiểu: Kê khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo Catalog. VD: Cản, Dipol...

- Kích thước (m): Kê khai kích thước của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m)

- Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten), tính theo mét (m).

1.7. Hồ hiệu đề nghị: Liệt kê các hồ hiệu đề nghị sử dụng để thuận tiện cho công việc (lưu ý: khi hoạt động phải sử dụng các hồ hiệu đã được cấp phép).

1.8. Giờ hoạt động: kê khai giờ hoạt động đề nghị, nếu hoạt động vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi "Hx", nếu hoạt động trong thời gian toàn bộ ngày thì ghi "H24".

1.9. Đối tượng liên lạc: kê khai hồ hiệu của phương tiện nghề cá liên lạc với đài.

2. Đánh dấu "X" vào ô "có" hoặc "không" nếu có/không sử dụng mã hóa. Ghi loại mã đề nghị sử dụng.

3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép tần số và thiết bị phát sóng VTĐ: đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/4/2016" (ghi theo ngày/tháng/năm).

4. Mục đích sử dụng: Kê khai mục đích sử dụng của đài, ví dụ liên lạc với phương tiện nghề cá của cá nhân, tổ chức đề nghị cấp giấy phép hay với phương tiện nghề cá của các cá nhân, tổ chức khác.

5. Kê khai các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục 2: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị gia hạn. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị gia hạn, ngày hết hạn của giấy phép, thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày, ví dụ: 03/12/2015).

Phụ lục 3: Thông báo ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị ngừng sử dụng. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị ngừng sử dụng, ngày hết hạn của giấy phép, ngày bắt đầu ngừng sử dụng (ví dụ: 03/12/2015).

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan. Đối với các cá nhân không có chứng minh nhân dân (hoặc mất) phải có xác nhận của UBND phường, xã nơi ở hiện tại.

Mẫu 1k

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHO THIẾT BỊ VTĐ 1. Dùng cho mục đích giới thiệu công nghệ tại triển lãm, hội chợ;
2. Của đoàn đại biểu cấp cao nước ngoài được hưởng quy chế ưu đãi, miễn trừ ngoại giao (trừ đài vệ tinh trái đất).

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP			
1.1. Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
1.2. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	<input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý	
1.3. Địa chỉ liên lạc			
1.4. Địa chỉ trụ sở chính			
1.5. Số FAX/số điện thoại	1.6. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/email)		
2. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI	<input type="checkbox"/> Cấp mới <input type="checkbox"/> Gia hạn <input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc sửa đổi cho giấy phép số..... cấp ngày.....		
3. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG			
4. THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẶC GIA HẠN	<input type="checkbox"/> 1 tháng <input type="checkbox"/> 2 tháng <input type="checkbox"/> 6 tháng Khác:.....		
5. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không		
6. CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA THIẾT BỊ VTĐ	Tên thiết bị	Công suất phát (W)	Dải tần làm việc (MHz)
			Địa điểm đặt

Mẫu 1k

7. THÔNG TIN BỔ SUNG				
8. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT				
8.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.				
8.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.				
8.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng-ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan.				
8.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.				

*Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên và đóng dấu)*

*Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên*

HƯỚNG DẪN
KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ
VÀ THIẾT BỊ VTĐ (MẪU 1k)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Để trống những mục không phải điền.

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông, 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 2: Lô 6 khu E - Khu đô thị mới An Phú An Khánh - Phường An Phú - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.37404179; Fax: 08.37404966

Khu vực 3: Lô C1 - Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An Trung - Quận Sơn Trà - TP. Đà Nẵng.

Điện thoại: 0511.3933545; Fax: 0511.3933707

Khu vực 4: 386 - Cách mạng Tháng Tám, TP. Cần Thơ

Điện thoại: 0710.3832760; Fax: 0710.3832760

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng - Phường Sò Dầu - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Điện thoại: 031.3827857/Fax: 031.3827420

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An

Điện thoại: 038. 3833511; Fax: 038. 3849518

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 058.3892567; Fax: 058.3824410.

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/0210.3840507/0210.3840504
Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1k: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị VTĐ; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp cho các thiết bị vô tuyến điện dùng cho mục đích giới thiệu công nghệ tại triển lãm, hội chợ và đoàn đại biểu cấp cao nước ngoài được hưởng quyền miễn trừ ngoại giao.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa tên hợp pháp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

Điểm 1.2. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.3. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.

Điểm 1.4. Chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.

Điểm 1.5. Ghi số fax/số điện thoại của tổ chức đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).

Mẫu 1k

- Điểm 1.6. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.
- Điểm 2. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng đối với trường hợp cấp mới, gia hạn, sửa đổi, bổ sung.
- Điểm 3. Ghi rõ sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ cho mục đích: giới thiệu công nghệ, phục vụ thông tin liên lạc cho đoàn đại biểu nước ngoài...
- Điểm 4. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “5 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/7/2015” (ghi theo ngày/tháng/năm).
- Điểm 5. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu “X” vào ô “có” hoặc “không” nếu có/không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.
- Điểm 6. Các thông số kỹ thuật của thiết bị vô tuyến điện
- Tên thiết bị: Kê khai tên, nhãn hiệu (model) của thiết bị.
 - Các mức công suất phát: Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo như: công suất cực đại, công suất cực tiểu, công suất danh định,...
 - Dải tần làm việc (MHz): Là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.
 - Địa điểm đặt thiết bị: Đối với thiết bị đặt cố định, khai đầy đủ số nhà, đường phố, phường (xã), quận (huyện), thành phố (tỉnh); Đối với thiết bị lưu động, khai đầy đủ lưu động bằng phương tiện gì (ví dụ: ô tô, tàu hỏa,...), lưu động trong phạm vi nào.
- Điểm 7. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có).

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Mẫu 1m

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN
(Đối với đài vệ tinh trái đất)

- CHÚ Ý:**
1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
 2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. TÊN TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP			
1.1. Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (nếu là tổ chức đề nghị cấp giấy phép)	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
1.2. Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (nếu là cá nhân đề nghị cấp giấy phép)	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
1.3. Giấy phép thiết lập mạng viễn thông hoặc Giấy phép cung cấp dịch vụ truyền dẫn phát sóng phát thanh truyền hình qua vệ tinh	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
	Thời hạn sử dụng	từ ngày:..... đến ngày:.....	
1.4. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	<input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý	
1.5. Địa chỉ liên lạc			
1.6. Địa chỉ trụ sở chính/thường trú			
1.7. Số FAX/số điện thoại		1.8. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/email)	
2. TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ	<input type="checkbox"/> Cấp mới cho..... thiết bị (..... tờ Phụ lục 1)		
	<input type="checkbox"/> Gia hạn cho..... giấy phép số..... (..... tờ Phụ lục 2)		
	<input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi cho..... giấy phép (..... tờ Phụ lục 1)		
	<input type="checkbox"/> Ngừng..... giấy phép số..... (..... tờ Phụ lục 3)		
3. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không		
4. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG			
5. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT			
5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.			
5.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.			
5.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng-ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan.			
5.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.			

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên và đóng dấu)

Làm tại....., ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên

Mẫu 1m

**PHỤ LỤC 1
THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC**

Cấp mới **Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....**
Tờ số:...../tổng số tờ của Phụ lục 1:.....

I. THÔNG TIN CHUNG			
1. Địa điểm đặt thiết bị:			
2. Mục đích sử dụng	<input type="checkbox"/> Thiết lập mạng viễn thông công cộng	<input type="checkbox"/> Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng	
	<input type="checkbox"/> Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH	<input type="checkbox"/> Khác:.....	
3. Thời hạn đề nghị cấp phép	<input type="checkbox"/> 1 năm <input type="checkbox"/> 2 năm <input type="checkbox"/> 3 năm	Khác:.....	
II. THÔNG TIN KỸ THUẬT CỦA ĐÀI			
1. Hồ hiệu (tên/mã đài)			
2. Loại đài:	<input type="checkbox"/> Đài vệ tinh trái đất đặt trên máy bay <input type="checkbox"/> Đài vệ tinh trái đất di động <input type="checkbox"/> Đài vệ tinh trái đất đặt trên tàu biển <input type="checkbox"/> Đài vệ tinh trái đất cố định <input type="checkbox"/> Loại khác:.....		
3. Loại thiết bị	<input type="checkbox"/> Cả thu và phát <input type="checkbox"/> Chỉ phát <input type="checkbox"/> Chỉ thu		
4. Tên thiết bị/Hãng sản xuất/.....		
5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)/từ..... đến..... (MHz)		
6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)/từ..... đến..... (MHz)		
7. Công suất phát EIRP (dBW)			
8. Phương thức phát/phương thức thu	Phát:...../Thu:.....		
9. Độ rộng băng thông cần thiết (MHz)	Phát:...../Thu:.....		
10. Kiểu điều chế/Tốc độ truyền dẫn tối thiểu (Mb/s)/.....		
III. THÔNG TIN VỀ ĂNG-TEN			
1. Tên ăng-ten (Model)/Hãng sản xuất			
2. Đường kính (m)	3. Vị trí đặt ăng-tenE.....'.....'' ;N.....'.....''	
4. Độ rộng búp sóng phát/thu (°)	Phát:...../Thu:.....		
5. Hệ số khuếch đại phát/thu (dBi)	Phát:...../Thu:.....		
6. Góc phương vị lớn nhất/nhỏ nhất (°)/.....	7. Góc ngẩng (°)	
8. Độ cao ăng-ten (so với mặt đất) (m)			
9. Độ cao địa hình (so với mực nước biển) (m)			
10. Phân cực phát	Tuyến tính: <input type="checkbox"/> Đứng và/hoặc <input type="checkbox"/> Ngang Tròn: <input type="checkbox"/> Trái và/hoặc <input type="checkbox"/> Phải		
11. Phân cực thu	Tuyến tính: <input type="checkbox"/> Đứng và/hoặc <input type="checkbox"/> Ngang Tròn: <input type="checkbox"/> Trái và/hoặc <input type="checkbox"/> Phải		
12. Giảm độ bức xạ phát	<input type="checkbox"/> REC-580 (ITU) <input type="checkbox"/> REC-465 (ITU) <input type="checkbox"/> AP28 hoặc AP29 <input type="checkbox"/> Khác:.....		
13. Giảm độ bức xạ thu	<input type="checkbox"/> REC-580 (ITU) <input type="checkbox"/> REC-465 (ITU) <input type="checkbox"/> AP28 hoặc AP29 <input type="checkbox"/> Khác:.....		
14. Thời gian dự định đưa vào khai thác	từ:.....	15. Giờ hoạt động	
IV. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ			
1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU/Tên thương mại của vệ tinh/.....		
2. Mã hồ sơ đăng ký của vệ tinh			
3. Cơ quan quản lý vệ tinh			
4. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (°)			
5. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp			
6. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài vệ tinh trái đất	Công suất đỉnh cực đại (dBW)..... Công suất đỉnh cực tiểu (dBW).....		
7. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài vệ tinh trái đất	Tỷ số C/N:..... Nhiệt độ tạp âm máy thu (°K):.....		
8. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:...../Thu:.....		
9. Thông tin bổ sung			

Mẫu 1m

HƯỚNG DẪN
KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ
VÀ THIẾT BỊ PHÁT SÓNG VTD (Mẫu 1m)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Để tránh những mục không phải điền.

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông, 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 2: Lô 6 khu E - Khu đô thị mới An Phú An Khánh - Phường An Phú - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.37404179; Fax: 08.37404966

Khu vực 3: Lô C1 - Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An Trung - Quận Sơn Trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0511.3933545; Fax: 0511.3933707

Khu vực 4: 386 - Cách mạng Tháng Tám, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3832760; Fax: 0710.3832760

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng - Phường Sò Dầu - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.3827857/Fax: 031.3827420

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 038. 3833511; Fax: 038. 3849518

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 058.3892567; Fax: 058.3824410.

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/0210.3840507/0210.3840504
Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1m: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTD; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với đài vệ tinh trái đất.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa tên hợp pháp của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. (áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép) Ghi theo Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp.

Điểm 1.2. (áp dụng đối với trường hợp cá nhân đề nghị cấp phép) Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp theo Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của cá nhân.

Điểm 1.3. Áp dụng đối với đài vệ tinh trái đất thuộc mạng viễn thông đã được cấp giấy phép; cơ quan báo chí, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn phát sóng phát thanh truyền hình:

- Đối với đài vệ tinh trái đất thuộc mạng viễn thông đã được cấp giấy phép: Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp của Giấy phép thiết lập mạng viễn thông có liên quan.

Mẫu 1m

- Đối với cơ quan báo chí, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn phát sóng phát thanh truyền hình: Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp của Giấy phép cung cấp dịch vụ truyền dẫn phát sóng phát thanh truyền hình qua vệ tinh.

Điểm 1.4. Ghi số tài khoản của tổ chức, cá nhân và ghi tên ngân hàng mà tổ chức, cá nhân mở tài khoản. Đánh dấu "X" vào ô "Đồng ý" hoặc "Không đồng ý" nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.5. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức, cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.

Điểm 1.6. Chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, doanh nghiệp hoặc địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.

Điểm 1.7. Ghi số điện thoại/số Fax của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).

Điểm 1.8. (áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp) Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 2. Tổng hợp thông tin đề nghị:

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng thiết bị đề nghị cấp giấy phép và số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho cấp mới vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp cấp mới.

- Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng giấy phép và tổng số tờ của Phụ lục 2 vào chỗ trống. Khai các thông số trong Phụ lục 2 dành cho gia hạn. Trường hợp đề nghị gia hạn số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép và thời gian đề nghị gia hạn vào chỗ trống của dòng khai dành cho gia hạn, không cần khai trong Phụ lục 2.

- Đánh dấu "X" vào ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kỳ nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.

- Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" và ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi tổ chức, cá nhân đồng thời đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

- Đánh dấu "X" vào ô "Ngừng" khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép đề nghị ngừng sử dụng và tổng số tờ của Phụ lục 3 vào chỗ trống. Trường hợp đề nghị ngừng số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng và không cần khai Phụ lục 3.

Điểm 3. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu "X" vào ô "có" hoặc "không" nếu có/không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.

Điểm 4. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có)

Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật, khai thác của đài vệ tinh trái đất

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.

Mẫu 1m

- Mỗi thiết bị kê khai trong một tờ khai của Phụ lục. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều thiết bị. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai, tổng số tờ của Phụ lục.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Phụ lục khi đề nghị cấp mới..

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Phụ lục khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.

I. Thông tin chung

1. Địa điểm đặt thiết bị: Ghi theo địa chỉ hành chính (xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố))

2. Mục đích sử dụng: Đánh dấu “X” vào các mục đích tương ứng.

3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/4/2016” (ghi theo ngày/tháng/năm).

II. Thông tin kỹ thuật của đài

1. Hô hiệu (tên/mã trạm): Kê khai tên/mã trạm mặt đất được phép sử dụng.

2. Loại đài: Đánh dấu “X” vào ô tương ứng (đài vệ tinh trái đất đặt trên máy bay/đài vệ tinh trái đất di động/đài vệ tinh trái đất đặt trên mặt đất/đài vệ tinh trái đất đặt trên tàu biển/khác: ghi cụ thể)

3. Loại thiết bị: Đánh dấu “X” vào ô tương ứng (cả thu và phát, chỉ phát, chỉ thu)

4. Tên thiết bị/Hãng sản xuất: Kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị/Ghi tên hãng sản xuất của thiết bị.

5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz): Ghi tần số phát đề nghị và ghi dải tần phát của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz, ví dụ: 5000/từ 5 đến 10 (MHz).

6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz): Ghi tần số thu đề nghị và ghi dải tần thu của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz, ví dụ: 5000/từ 5 đến 10 (MHz)

7. Công suất phát EIRP (dBW): ghi mức công suất tại đầu ra ăng-ten theo đơn vị dBW

8. Phương thức phát/thu: Kê khai tất cả các phương thức phát và phương thức thu sẽ sử dụng, (ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E).

9. Kê khai độ rộng băng thông cần thiết, ví dụ 5 MHz.

10. Kiểu điều chế/Tốc độ truyền dẫn tối thiểu (Mb/s): ghi kiểu điều chế của thiết bị như 16QAM, QPSK, FM/Ghi tốc độ truyền theo đơn vị Mb/s. Ví dụ kê khai: 16QAM/10.

III. Thông tin về ăng ten

1. Tên ăng-ten (Model)/Hãng sản xuất: Khai tên và ký hiệu ăng-ten theo Catalog hoặc ghi rõ ăng-ten thuộc loại nào (ví dụ: Parabol trụ, Parabol tròn xoay,...)/Khai tên hãng sản xuất ăng-ten.

2. Đường kính (m): Là đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m)

3. Vị trí đặt ăng-ten: Kê khai tọa độ đặt ăng-ten chính xác đến độ, phút, giây.

4. Độ rộng búp sóng phát/thu ($^{\circ}$): Ghi độ rộng của búp sóng phát và độ rộng của búp sóng thu theo đơn vị độ ($^{\circ}$), ví dụ: độ rộng của búp sóng phát là 10 độ và độ rộng của búp sóng thu là 11 độ, ghi là: 10/11

5. Hệ số khuếch đại phát/thu (dBi): Ghi hệ số khuếch đại phát và ghi hệ số khuếch đại thu của ăng-ten theo đơn vị dBi, ví dụ: 10/9

Mẫu 1m

6. Góc phương vị lớn nhất/nhỏ nhất: Góc phương vị là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ.

- Ghi góc phương vị lớn nhất và góc phương vị nhỏ nhất trong trường hợp ăng-ten quay, ví dụ: 15/10

- Ghi một giá trị khi ăng-ten cố định.

7. Góc nâng: Là góc giữa hướng của ăng-ten với phương thẳng đứng (phương vuông góc với trái đất).

8. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ bộ tiếp điện (feed horn) của ăng-ten đến mặt đất.

9. Độ cao so với mực nước biển: là độ cao của ăng-ten so với mực nước biển.

10. Phân cực phát: Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu “x” vào ô tương ứng “đứng” hoặc “ngang”; với phân cực tròn, đánh dấu “X” vào ô “trái” hoặc “phải”

11. Phân cực thu: Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu “x” vào ô tương ứng “đứng” hoặc “ngang”; với phân cực tròn, đánh dấu “X” vào ô “trái” hoặc “phải”

12. Giảm đồ bức xạ phát: Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với giảm đồ bức xạ phát của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC - 580...); Đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giảm đồ bức xạ của ăng-ten và Catalog mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten

13. Giảm đồ bức xạ thu: Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với giảm đồ bức xạ thu của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC - 580...); Đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giảm đồ bức xạ của ăng-ten và Catalog mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

14. Thời gian dự định đưa vào khai thác: Ghi rõ thời gian mà tổ chức dự định đưa hệ thống vào khai thác (ngày/tháng/năm), ví dụ: 18/02/2010.

15. Giờ hoạt động: kê khai giờ hoạt động đề nghị, nếu hoạt động vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi “Hx”, nếu hoạt động liên tục trong ngày thì ghi “H24”.

IV. Thông tin về quả vệ tinh và phối hợp

1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU/tên thương mại: Tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (sattellite network) đã được đăng ký với ITU. Tên thương mại là tên của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. (Ví dụ: Vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên thương mại là IS802@174°E khác với tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E), ví dụ cách ghi: INTELSAT8 174E/IS802@174°E.

2. Mã hồ sơ đăng ký (Special Section): Ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định, lấy từ hồ sơ của vệ tinh đã đăng ký với ITU. (Ví dụ: Mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311)

3. Cơ quan quản lý vệ tinh: Ghi tên tổ chức hoặc quốc gia cung cấp vệ tinh (Ví dụ: Intelsat, Inmarsat, Mỹ, Trung Quốc,...)

4. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây

5. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: Kê khai độ rộng băng thông (ví dụ: 8 MHz)

6. Thông tin chi tiết về thiết bị phát: Kê khai công suất đỉnh lớn nhất theo đơn vị dBW và công suất đỉnh nhỏ nhất theo đơn vị dBW.

7. Thông tin chi tiết về thiết bị thu: Kê khai tỷ số C/N (là tỷ số giữa công suất sóng mang và tạp âm) và kê khai nhiệt độ tạp âm máy thu (độ K), ghi nhiệt độ tạp âm (noise temperature) hoặc hệ số tạp âm (noise figure) của máy thu.

Mẫu 1m

8. Ký hiệu búp sóng vệ tinh: Trước khi kê khai cần trao đổi với phía đối tác cung cấp dung lượng vệ tinh để ghi chính xác ký hiệu búp sóng phát và búp sóng thu vệ tinh (associated satellite receiving designation/associated satellite receiving designation). Ký hiệu này dài không quá 4 ký tự, được ghi trong hồ sơ đăng ký của vệ tinh với ITU. Lưu ý: Búp sóng phát của vệ tinh sẽ là búp sóng phát của đài vệ tinh trái đất và ngược lại

9. Thông tin bổ sung: ghi các thông tin cần bổ sung chưa có trong bản khai.

Phụ lục 2: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị gia hạn. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị gia hạn, ngày hết hạn của giấy phép, thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày, ví dụ: 03/12/2015).

Phụ lục 3: Thông báo ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị ngừng sử dụng. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số.... đến số....) đề nghị ngừng sử dụng, ngày hết hạn của giấy phép, ngày bắt đầu ngừng sử dụng (ví dụ: 03/12/2015).

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TÀN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP			
1.1. Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
1.2. Giấy phép thiết lập mạng viễn thông	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
	Thời hạn sử dụng	Từ ngày:..... Đến ngày:.....	
1.3. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	<input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý	
1.4. Địa chỉ liên lạc			
1.5. Địa chỉ trụ sở chính			
1.6. Số FAX/Số điện thoại		1.7. Người kê khai (Số điện thoại CD/Di động/E-mail	
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG			
<input type="checkbox"/> 1 năm <input type="checkbox"/> 2 năm <input type="checkbox"/> 5 năm <input type="checkbox"/> 10 năm Khác:.....			
4. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ			
<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không			
5. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI			
<input type="checkbox"/> Cấp mới <input type="checkbox"/> Gia hạn <input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi cho giấy phép số..... cấp ngày..... <input type="checkbox"/> Ngừng sử dụng giấy phép số..... cấp ngày.....			
6. PHẠM VI PHỦ SÓNG			
7. CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG	7.1. Đoạn băng tần sử dụng		
	7.2. Công nghệ sử dụng		
	7.2.1. Tiêu chuẩn công nghệ		
	7.2.2. Phát xạ giả		
	7.2.3. Phát xạ trong băng		
		7.2.4. Phát xạ ngoài băng	
8. CẤU HÌNH MẠNG LƯỚI			
9. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG			
10. TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT			
10.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.			
10.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết khiếu nại có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.			
10.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng-ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan.			
10.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định			

*Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên và đóng dấu)*

*Làm tại,, ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên*

HƯỚNG DẪN
KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TÀN
(MẪU 2)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Để trống những mục không phải điền.

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tàn số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tàn số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông,

115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 2: Lô 6 khu E - Khu đô thị mới An Phú An Khánh - Phường An Phú - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.37404179; Fax: 08.37404966

Khu vực 3: Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An Trung - Quận Sơn Trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0511.3933545; Fax: 0511.3933707

Khu vực 4: 386 - Cách mạng Tháng Tám, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3832760; Fax: 0710.3832760

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng - Phường Sờ Dầu - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.3827857/Fax: 031.3827420

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 038. 3833511; Fax: 038. 3849518

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 058.3892567; Fax: 058.3824410.

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/0210.3840507/0210.3840504
Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 2: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng băng tần; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép sử dụng băng tần đã được cấp.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa tên hợp pháp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

Điểm 1.2. Ghi theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông.

Điểm 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Mẫu 2

- Điểm 1.4. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.
- Điểm 1.5. Chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.
- Điểm 1.6. Ghi số fax/số điện thoại của tổ chức đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).
- Điểm 1.7. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.
- Điểm 2. Ghi rõ sử dụng băng tần cho mục đích gì, ví dụ: cung cấp thông tin di động nội vùng,...
- Điểm 3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/4/2019” (ghi theo ngày/tháng/năm).
- Điểm 4. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu “X” vào ô “có” hoặc “không” nếu có/không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.
- Điểm 5. Đánh dấu (X) vào ô tương ứng đối với trường hợp cấp mới, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, ngừng.
- Điểm 6. Ghi phạm vi phủ sóng đề nghị cấp phép: tên các địa phương (tỉnh, thành phố) nằm trong vùng phủ sóng hoặc toàn quốc.
- Điểm 7. Các thông số kỹ thuật chung:
7.1. Kê khai đoạn băng tần đề nghị cấp phép sử dụng.
7.2. Kê khai các công nghệ sử dụng ứng với đoạn băng tần. Ví dụ: WCDMA, GSM... (trường hợp sử dụng đồng thời nhiều loại công nghệ trên cùng một băng tần thì kê khai hết các công nghệ mà doanh nghiệp đang sử dụng).
7.2.1. Kê khai tiêu chuẩn công nghệ sử dụng.
7.2.2, 7.2.3, 7.2.4. Kê khai phát xạ giả, phát xạ trong băng, phát xạ ngoài băng.
- Điểm 8. Kê khai cấu hình mạng lưới.
- Điểm 9. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có).

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Mẫu 3a

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH
(Đối với vệ tinh địa tĩnh)

- CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÀ TUYÊN ĐIỆN

1. TÊN TỔ CHỨC (HOẶC DOANH NGHIỆP) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP			
1.1. Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
1.2. Giấy phép thiết lập mạng viễn thông	Số		Ngày cấp:
	Cơ quan cấp		
	Thời hạn sử dụng	từ ngày	đến ngày
1.3. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	<input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý	
1.4. Địa chỉ liên lạc			
1.5. Địa chỉ trụ sở chính			
1.6. Số FAX/số điện thoại		1.7. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/Email)	
2. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI	<input type="checkbox"/> Cấp mới <input type="checkbox"/> Gia hạn <input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi cho giấy phép số..... cấp ngày..... <input type="checkbox"/> Ngừng..... giấy phép số.....		
3. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không		
4. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG			
5. TỔ CHỨC (DOANH NGHIỆP) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT			
5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.			
5.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.			
5.3. Chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện.			
5.4. Chấp hành các quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh.			
5.5. Nộp phí, lệ phí theo các quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh cho tần số/quỹ đạo vệ tinh sử dụng (nếu có).			
5.6. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.			

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(ký tên và đóng dấu)

Làm tại,, ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên

Mẫu 3a

PHỤ LỤC
THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC

I. Số liệu vệ tinh					
1. Tên vệ tinh (tên thương mại)					
2. Vị trí quỹ đạo					
3. Nhà sản xuất vệ tinh:					
4. Khung vệ tinh:					
5. Ngày phóng vệ tinh:					
6. Tên tổ chức/doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh					
II. Bảng tần					
Băng tần	Dải tần số ấn định (MHz)	Phân cực	Số lượng bộ phát đáp	Độ rộng băng thông bộ phát đáp (MHz)	Vùng phủ/vùng dịch vụ
S					
C					
X					
Ku					
Ka					
Tổng số bộ phát đáp sử dụng					

Mẫu 3a

III. Tham số hoạt động của vệ tinh			
Tham số hoạt động của vệ tinh (vùng phủ, phát xạ, giảm đồ ăng-ten,...) tuân theo giới hạn được đăng ký với Liên minh viễn Thông quốc tế (ITU) tại hồ sơ mạng vệ tinh của mục IV			
IV. Hồ sơ vệ tinh			
<i>(Vệ tinh có thể được đăng ký với ITU với nhiều bộ hồ sơ)</i>			
	Hồ sơ 1	Hồ sơ 2	Hồ sơ 3
1. Hồ sơ vệ tinh với ITU: <i>(Tên mạng vệ tinh đăng ký với ITU)</i>			
2. Số nhận dạng mạng vệ tinh:			
3. Vị trí quỹ đạo:			
▪ Độ lệch trái:			
▪ Độ lệch phải:			
▪ Độ lệch nghiêng:			
4. Ngày đưa vệ tinh vào sử dụng:			
5. Ngày xác định quyền ưu tiên			
6. Mã hồ sơ			
▪ API/A/			
▪ CR/C			
▪ RES49/			
▪ Part II-S			
V. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép	<input type="checkbox"/> 1 năm <input type="checkbox"/> 2 năm <input type="checkbox"/> 5 năm <input type="checkbox"/> 10 năm Khác:.....		
VI. Điền vào khoảng trống các thông tin đề nghị, bổ sung			

Mẫu 3a

HƯỚNG DẪN
KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ
VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH (MẪU 3a)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Để trống những mục không phải điền.

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông, 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 2: Lô 6 khu E - Khu đô thị mới An Phú An Khánh - Phường An Phú - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.37404179; Fax: 08.37404966

Khu vực 3: Lô C1 - Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An Trung - Quận Sơn Trà - TP. Đà Nẵng.

Điện thoại: 0511.3933545; Fax: 0511.3933707

Khu vực 4: 386 - Cách mạng Tháng Tám, TP. Cần Thơ

Điện thoại: 0710.3832760; Fax: 0710.3832760

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng - Phường Sờ Dầu - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Điện thoại: 031.3827857/Fax: 031.3827420

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An

Điện thoại: 038. 3833511; Fax: 038. 3849518

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 058.3892567; Fax: 058.3824410.

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/0210.3840507/0210.3840504
 Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 3a: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh địa tĩnh; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh địa tĩnh đã được cấp.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa tên hợp pháp của tổ chức hoặc doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của tổ chức, doanh nghiệp.

Điểm 1.2. Ghi theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông.

Điểm 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức, doanh nghiệp và ghi tên ngân hàng mà tổ chức, doanh nghiệp mở tài khoản. Đánh dấu "X" vào ô "Đồng ý" hoặc "Không đồng ý" nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức, doanh nghiệp. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.

Điểm 1.5. Chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, doanh nghiệp. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.

Mẫu 3a

- Điểm 1.6. Ghi số fax/số điện thoại của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).
- Điểm 1.7. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.
- Điểm 2. Đánh dấu (X) vào các ô tương ứng với mục đích cấp mới, gia hạn, sửa đổi, bổ sung hoặc ngừng của bản khai.
- Điểm 3. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu “X” vào ô “có” hoặc “không” nếu có/không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.
- Điểm 4. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục Thông số kỹ thuật, khai thác**I. Số liệu vệ tinh**

- Tên vệ tinh (tên thương mại): là tên thương mại của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác, ví dụ: VINASAT-1.
- Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ và theo hướng Đông/Tây.
- Nhà sản xuất vệ tinh: tên nhà sản xuất vệ tinh, ví dụ: Lockheed Martin.
- Khung vệ tinh: là tên khung vệ tinh mà quả vệ tinh được sản xuất, ví dụ: khung A2100 của LOCKHEED MARTIN.
- Ngày phóng vệ tinh: ngày đưa vệ tinh vào quỹ đạo, ghi ngày... tháng... năm.... giờ... phút.
- Tên tổ chức/doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh: là tên tổ chức/doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh.

II. Băng tần

- Băng tần: băng tần sử dụng của vệ tinh, ví dụ: băng tần S, C, X, Ku, Ka.
- Dải tần số ấn định (MHz): Kê khai tần số đề nghị sử dụng từ tần số cao đến tần số thấp (đơn vị MHz), ví dụ: 3400-3700, 6425-6725.
- Phân cực: loại phân cực được vệ tinh sử dụng.

Tuyến tính	<input type="checkbox"/> Đứng	và/hoặc	<input type="checkbox"/> Ngang
Tròn	<input type="checkbox"/> Trái	và/hoặc	<input type="checkbox"/> Phải

- Số lượng bộ phát đáp: ghi rõ số lượng bộ phát đáp cho từng loại băng tần, ví dụ: dòng Ku, cột số lượng bộ phát đáp ghi 12, có nghĩa có 12 bộ băng tần Ku.

- Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: độ rộng thực tế của các bộ phát đáp, ví dụ: 12 bộ phát đáp băng Ku có độ rộng 36MHz, 01 bộ phát đáp băng Ku có độ rộng băng tần 54MHz thì ghi tương ứng 36MHz với 12 bộ phát đáp và ghi 54MHz với 01 bộ phát đáp.

Băng tần	Dải tần số ấn định (MHz)	Phân cực	Số lượng bộ phát đáp	Độ rộng băng thông bộ phát đáp (MHz)	Vùng phủ
Ku			12	36	
			01	54	

- Vùng phủ: bao gồm tên nước, khu vực tương ứng với vùng phủ của mỗi loại băng tần.

III. Tham số hoạt động của vệ tinh:

Ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định (Ví dụ: Mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311).

Mẫu 3a**IV. Hồ sơ vệ tinh**

1. Hồ sơ vệ tinh với ITU: Là tên của vệ tinh (sattellite network) đã được đăng ký với ITU. Lưu ý là tên này thường khác với tên thương mại mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: Vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên thương mại là IS802@174°E khác với tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174^E.

2. Số nhận dạng mạng vệ tinh: ghi số hiệu của mạng vệ tinh đã được ITU công nhận, ví dụ: VINASAT-4A2 giai đoạn CR/C có số nhận dạng 101520356.

3. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ và theo hướng Đông/Tây.

- Độ lệch trái (theo độ): độ lệch về bên trái so với vị trí quỹ đạo.

- Độ lệch phải (theo độ):

- Độ lệch nghiêng (theo độ):

4. Ngày đưa vệ tinh vào sử dụng: Ghi theo ngày/tháng/năm

5. Ngày xác định quyền ưu tiên (Ghi theo ngày/tháng/năm): ghi ngày đăng ký bộ hồ sơ yêu cầu phối hợp gửi ITU và được ITU chấp thuận.

6. Mã hồ sơ đăng ký của vệ tinh: Ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định (Ví dụ: Mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311)

V. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép:

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/4/2020” (ghi theo ngày/tháng/năm).

VI. Ghi các thông tin đề nghị, bổ sung (nếu có)

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

Mẫu 3b

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH
(Đối với vệ tinh phi địa tĩnh)

- CHÚ Ý:** 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÀ TUYÊN ĐIỆN

1. TÊN TỔ CHỨC (HOẶC DOANH NGHIỆP) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP			
1.1. Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
1.2. Giấy phép thiết lập mạng viễn thông	Số		Ngày cấp:
	Cơ quan cấp		
	Thời hạn sử dụng	từ ngày	đến ngày
1.3. Tài khoản	Số		
	Ngân hàng		
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	<input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý	
1.4. Địa chỉ liên lạc			
1.5. Địa chỉ trụ sở chính			
1.6. Số FAX/số điện thoại		1.7. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/Email)	
2. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI	<input type="checkbox"/> Cấp mới <input type="checkbox"/> Gia hạn <input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi cho giấy phép số..... cấp ngày.....		
3. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không		
4. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG			
5. TỔ CHỨC (DOANH NGHIỆP) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT			
5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.			
5.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.			
5.3. Chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện.			
5.4. Chấp hành các quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh.			
5.5. Nộp phí, lệ phí theo các quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh cho tần số/quỹ đạo vệ tinh sử dụng (nếu có).			
5.6. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.			

*Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên và đóng dấu)*

*Làm tại,, ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên*

Mẫu 3b**PHỤ LỤC
THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC**

I. Số liệu vệ tinh					
1. Tên vệ tinh (tên thương mại)					
2. Số mặt phẳng quỹ đạo					
3. Nhà sản xuất vệ tinh:					
4. Khung vệ tinh:					
5. Ngày phóng vệ tinh:					
6. Tên tổ chức/doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh					
II. Bảng tần					
Băng tần	Dải tần số ấn định (MHz)	Phân cực	Số lượng bộ phát đáp	Độ rộng băng thông bộ phát đáp (MHz)	Vùng phủ/vùng dịch vụ
L					
S					
C					
X					
Ku					
Ka					
Tổng số bộ phát đáp sử dụng					
III. Tham số hoạt động của vệ tinh					
Tham số hoạt động của vệ tinh (vùng phủ, phát xạ, giảm đồ ăng-ten,...) tuân theo giới hạn được đăng ký với Liên minh viễn thông quốc tế tại hồ sơ mạng vệ tinh của mục IV					
IV. Hồ sơ vệ tinh (vệ tinh có thể được đăng ký với ITU với nhiều bộ hồ sơ)					
	Hồ sơ 1	Hồ sơ 2	Hồ sơ 3		
1. Hồ sơ vệ tinh với ITU: (Tên mạng vệ tinh đăng ký với ITU)					
2. Số nhận dạng mạng vệ tinh:					
3. Số mặt phẳng quỹ đạo:					

Mẫu 3b

4. Vật thể tham chiếu:							
5. Thông tin của mỗi mặt phẳng trong đó trái đất là vật thể tham chiếu							
Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo:	Góc nghiêng	Số vệ tinh trong mặt phẳng quỹ đạo này	Chu kỳ	Điểm Cực viễn (Km)	Điểm Cực cận (Km)		
6. Thống kê quỹ đạo có tần số tuân theo các điều khoản 9.11A, 9.12, 9.12A của Thể lệ vô tuyến thế giới							
Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo	Góc nghiêng	Số vệ tinh trong mặt phẳng quỹ đạo này					
7. Đối với vệ tinh hoạt động trong băng tần tuân theo điều khoản 22.5C, 22.5D, 22.5F							
Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo	Góc nghiêng						
8. Ngày xác định quyền ưu tiên							
9. Mã hồ sơ							
▪ API/A/							
▪ CR/C							
▪ RES49/							
▪ Part I-S							
▪ Part II-S							
▪ Part III-S							
10. Băng tần		Từ tần số (MHz)	Tới tần số (MHz)	Từ tần số (MHz)	Tới tần số (MHz)	Từ tần số (MHz)	Tới tần số (MHz)
IV. THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP		<input type="checkbox"/> 1 năm <input type="checkbox"/> 2 năm <input type="checkbox"/> 5 năm <input type="checkbox"/> 10 năm Khác:.....					
V. Điền vào khoảng trống các thông tin đề nghị, bổ sung							

Mẫu 3b

HƯỚNG DẪN
KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TÀN SỐ
VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH (MẪU 3b)

I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Để trống những mục không phải điền.

- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tàn số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tàn số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông, 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội

Điện thoại: 04.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 2: Lô 6 khu E - Khu đô thị mới An Phú An Khánh - Phường An Phú - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.37404179; Fax: 08.37404966

Khu vực 3: Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An Trung - Quận Sơn Trà - TP. Đà Nẵng.

Điện thoại: 0511.3933545; Fax: 0511.3933707

Khu vực 4: 386 - Cách mạng Tháng Tám, TP. Cần Thơ

Điện thoại: 0710.3832760; Fax: 0710.3832760

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng - Phường Sờ Dầu - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Điện thoại: 031.3827857/Fax: 031.3827420

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An

Điện thoại: 038. 3833511; Fax: 038. 3849518

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 058.3892567; Fax: 058.3824410.

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 0210.3840503/0210.3840507/0210.3840504
 Fax: 0210. 3840504.

II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 3b: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh phi địa tĩnh; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh phi địa tĩnh đã được cấp.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa tên hợp pháp của tổ chức hoặc doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của tổ chức, doanh nghiệp.

Điểm 1.2. Ghi theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông.

Điểm 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức, doanh nghiệp và ghi tên ngân hàng mà tổ chức, doanh nghiệp mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức, doanh nghiệp. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.

Điểm 1.5. Chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, doanh nghiệp. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.

Mẫu 3b

- Điểm 1.6. Ghi số fax/số điện thoại của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).
- Điểm 1.7. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.
- Điểm 2. Đánh dấu (X) vào các ô tương ứng với mục đích cấp mới, gia hạn, sửa đổi bổ sung của bản khai.
- Điểm 3. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu “X” vào ô “có” hoặc “không” nếu có/không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.
- Điểm 4. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục Thông số kỹ thuật, khai thác**I. Số liệu vệ tinh**

- Tên vệ tinh (tên thương mại): là tên thương mại của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác, ví dụ: VINASAT-1.
- Số mặt phẳng quỹ đạo: ghi rõ số lượng mặt phẳng quỹ đạo.
- Nhà sản xuất vệ tinh: tên nhà sản xuất vệ tinh, ví dụ: Lockheed Martin.
- Khung vệ tinh: là tên khung vệ tinh mà quả vệ tinh được sản xuất, ví dụ: khung A2100 của LOCKHEED MARTIN.
- Ngày phóng vệ tinh: ngày đưa vệ tinh vào quỹ đạo, ghi ngày... tháng... năm... giờ phút.
- Tên tổ chức/doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh: là tên tổ chức/doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh.

II. Băng tần

- Băng tần: băng tần sử dụng của vệ tinh, ví dụ: băng tần L, S, C, X, Ku, Ka.
- Dải tần số ấn định (MHz): Kê khai tần số đề nghị sử dụng từ tần số cao đến tần số thấp (đơn vị MHz), ví dụ:

3400-3700

6425-6725

- Phân cực: loại phân cực được vệ tinh sử dụng:

Tuyến tính	<input type="checkbox"/> Đứng	và/hoặc	<input type="checkbox"/> Ngang
Tròn	<input type="checkbox"/> Trái	và/hoặc	<input type="checkbox"/> Phải

- Số lượng bộ phát đáp: ghi rõ số lượng bộ phát đáp cho từng loại băng tần, ví dụ: dòng Ku, cột số lượng bộ phát đáp ghi 12, có nghĩa có 12 bộ băng tần Ku.

- Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: độ rộng thực tế của các bộ phát đáp, ví dụ: 12 bộ phát đáp băng Ku có độ rộng 36MHz, 01 bộ phát đáp băng Ku có độ rộng băng tần 54MHz thì ghi tương ứng 36MHz với 12 bộ phát đáp và ghi 54MHz với 01 bộ phát đáp.

Băng tần	Dải tần số ấn định (MHz)	Phân cực	Số lượng bộ phát đáp	Độ rộng băng thông bộ phát đáp (MHz)	Vùng phủ
Ku			12	36	
			01	54	

- Vùng phủ: bao gồm tên nước, khu vực tương ứng với vùng phủ của mỗi loại băng tần

III. Tham số hoạt động của vệ tinh:

- Ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định (Ví dụ: Mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311).

Mẫu 3b**IV. Hồ sơ vệ tinh**

1. Hồ sơ vệ tinh với ITU: Là tên của vệ tinh (sattellite network) đã được đăng ký với ITU. Lưu ý là tên này thường khác với tên thương mại mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: Vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên thương mại là IS802@174°E khác với tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E.

2. Số nhận dạng mạng vệ tinh: ghi số hiệu của mạng vệ tinh đã được ITU công nhận, ví dụ: VINASAT-4A2 giai đoạn CR/C có số nhận dạng 101520356.

3. Số mặt phẳng quỹ đạo: Ghi rõ số lượng mặt phẳng quỹ đạo.

4. Vật thể tham chiếu: là trái đất, mặt trăng, mặt trời,...

5. Thông tin của mỗi mặt phẳng trong đó trái đất là vật thể tham chiếu bao gồm các thông tin: Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo, góc nghiêng, số lượng vệ tinh trong mặt phẳng quỹ đạo, chu kỳ, độ cao điểm Cực viễn tính theo Km, độ cao điểm Cực cận tính theo Km cho mỗi hồ sơ.

6. Thông kê quỹ đạo có tần số tuân theo các điều khoản 9.11A, 9.12, 9.12A của Thẻ lệ vô tuyến thế giới bao gồm các thông tin: Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo, góc nghiêng, số lượng vệ tinh trong mỗi mặt phẳng quỹ đạo cho mỗi hồ sơ.

7. Đối với vệ tinh hoạt động trong băng tần tuân theo điều khoản 22.5C, 22.5D, 22.5F bao gồm các thông tin: Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo, góc nghiêng cho mỗi hồ sơ.

8. Ngày xác định quyền ưu tiên (Ghi theo ngày/tháng/năm): ghi ngày đăng ký bộ hồ sơ yêu cầu phối hợp gửi ITU và được ITU chấp thuận.

9. Mã hồ sơ đăng ký của vệ tinh: Ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định (Ví dụ: Mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311).

10. Băng tần: ghi rõ tần số theo đơn vị MHz.

V. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh:

Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/4/2020” (ghi theo ngày/tháng/năm).

VI. Ghi các thông tin đề nghị, bổ sung (nếu có)

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.

PHỤ LỤC 4
THÔNG BÁO VỀ VIỆC CHO THUÊ, CHO MƯỢN THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN
(Kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BTTTT ngày 23 tháng 3 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
VỀ VIỆC CHO THUÊ, CHO MƯỢN THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp cho thuê (cho mượn) thiết bị vô tuyến điện:

Địa chỉ liên lạc:

Số điện thoại:

Fax:

Số giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện:

2. Tên tổ chức, doanh nghiệp thuê (mượn) thiết bị vô tuyến điện:

Địa chỉ liên lạc:

Số điện thoại:

Fax:

3. Thực hiện cho thuê (cho mượn) thiết bị vô tuyến điện theo Hợp đồng cho thuê, cho mượn kèm theo thông báo này.

4. Bên cho thuê (cho mượn) và bên thuê (mượn) thiết bị vô tuyến điện cam kết:

- Thực hiện các quy định của giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện;
- Chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;
- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin.

Làm tại....., ngày.... tháng..... năm.....
Xác nhận của tổ chức, cá nhân cho thuê
(cho mượn) thiết bị vô tuyến điện
(Ký tên và đóng dấu)